



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 24/2021
Từ 14/6 - 18/6/2021

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

**BAN HÀNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ
ĐIỆN TỬ HƯỚNG TỚI CHÍNH PHỦ SỐ 2021 - 2025**

Ngày 15/6/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 942/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030. Đây là một bước ngoặt quan trọng của công cuộc chuyển đổi số nói chung và phát triển Chính phủ số nói riêng của Việt Nam.

Bản Chiến lược mới có nhiều điểm mới, đột phá về tầm nhìn chiến lược, tư tưởng chiến lược với các giải pháp đột phá là sử dụng nền tảng và định hướng mở để thúc đẩy phát triển Chính phủ số.

Lần đầu tiên đưa ra nội hàm khái niệm Chính phủ số

Chính phủ số bản chất là Chính phủ điện tử, bổ sung những thay đổi về cách tiếp cận, cách triển khai mới nhờ vào sự phát triển của công nghệ số. Vì vậy, khi nói phát triển Chính phủ số chính là nói phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số đã bao hàm Chính phủ điện tử.

Chính phủ điện tử, hiểu một cách đơn giản, là “bốn Không”, có khả năng họp không gặp mặt, xử lý văn bản không giấy, giải quyết thủ tục hành chính không tiếp xúc và thanh toán không dùng tiền mặt.

Chính phủ số là Chính phủ điện tử, thêm “bốn Có”, có toàn bộ hành động an toàn trên môi trường số, có khả năng cung cấp dịch vụ mới nhanh chóng, có khả năng sử dụng nguồn lực tối ưu và có khả năng kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

Tầm nhìn chiến lược là dựng lên một ngọn cờ cao

Tầm nhìn đặt ra Việt Nam có chỉ số phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số ở mức độ cao trên thế giới, thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu vào năm 2025, thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu vào năm 2030 theo xếp hạng của Liên Hợp Quốc.

Dựng lên một ngọn cờ cao, có nghĩa là sứ mệnh và mục tiêu lớn, để tập hợp được lực lượng, thu hút nhân tài cả trong và ngoài nước cùng tham gia. Khi người Việt Nam chung sức, đồng lòng, khó khăn, thách thức sẽ trở nên nhỏ lại.

Lần đầu tiên, các địa phương sẽ xây dựng phương án bảo đảm kinh phí hàng năm từ ngân sách nhà nước cho Chính phủ số, phần đầu tỷ lệ chi cao hơn mức trung bình trên thế giới. Các nước hiện dành tỷ lệ chi khoảng 1 - 2% tổng chi ngân sách nhà nước cho Chính phủ số, cá biệt, một số nước như Singapore, Hàn Quốc dành tỷ lệ chi cao hơn.

Tư tưởng chiến lược là hành động nhanh

Trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, những quốc gia tiên phong, đi trước, hành động nhanh sẽ có cơ hội phát triển đột phá. Nói cách khác, ở kỷ nguyên số, không phải cá lớn nuốt cá bé mà cá nhanh nuốt cá chậm. Chiến lược đặt ra mục tiêu cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu phát triển Chính phủ điện tử vào năm 2021 và hình thành Chính phủ số vào năm 2025.

Giải pháp đột phá là sử dụng nền tảng và định hướng mở

Nền tảng số được xác định là giải pháp đột phá để thúc đẩy phát triển Chính phủ số nhanh hơn, giảm chi phí, tăng hiệu quả. Nền tảng được tạo ra bởi những doanh nghiệp công nghệ số xuất sắc, cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng ngay dưới dạng dịch vụ thay vì phải tự đầu tư, tự vận hành.

Định hướng mở để người dân, doanh nghiệp và tổ chức khác tham gia một cách phù hợp vào hoạt động của cơ quan nhà nước, tương tác với cơ quan nhà nước để cùng tăng cường minh bạch, nâng cao chất lượng dịch vụ, cùng giải quyết vấn đề và cùng tạo ra giá trị cho xã hội.

Không chỉ là phục vụ người dân, doanh nghiệp và xã hội

Nếu như trước đây, thông thường, phát triển chính phủ điện tử đặt ra mục tiêu phục vụ người dân, doanh nghiệp và xã hội tốt hơn.

Chiến lược này còn đặt mục tiêu trang bị công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình, đó là Trợ lý ảo hay những nền tảng làm việc, cộng tác trên môi trường số.

Nguồn: Bộ Thông tin và Truyền thông

CHÍNH PHỦ: QUYẾT CƠ CHẾ ĐẶC THÙ GỠ VƯỚNG NGUỒN VẬT LIỆU XÂY DỰNG CAO TỐC BẮC - NAM

Ngày 16/6/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 60/NQ-CP về việc áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2017 - 2020 (đã khởi công và sắp khởi công).

Nghị quyết nêu rõ, Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía đông giai đoạn 2017 - 2020 (dưới đây gọi tắt là Dự án đường cao tốc) được Quốc hội khóa XIV quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 52/2017/QH14 ngày 22/11/2017 với 11 dự án thành phần, trong đó có 07 dự án đã khởi công và 04 dự án sắp khởi công.

Theo báo cáo của một số địa phương thuộc phạm vi Dự án đường cao tốc và Bộ Giao thông vận tải, nguồn khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường khai thác tại các mỏ còn thời hạn chỉ đáp ứng hơn 60% nhu cầu của Dự án đường cao tốc. Đây là dự án trọng điểm quốc gia, nếu không đủ vật liệu cung cấp cho các dự án thành phần sẽ dẫn tới nguy cơ Dự án đường cao tốc không hoàn thành đúng tiến độ yêu cầu nên cần có “cơ chế đặc thù” để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc khi cấp phép mới cũng như khi tăng công suất cho các mỏ đã cấp phép, tăng cường trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý khoáng sản và bảo vệ môi trường.

Sau khi nghe Tờ trình của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, ý kiến của các thành viên Chính phủ, Chính phủ đã trao đổi, thảo luận và thống nhất quyết nghị:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Dự án đường cao tốc đi qua được thực hiện một số “cơ chế đặc thù” sau đây:

a) Được phê duyệt các khu vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đã có trong quy hoạch khoáng sản liên quan, đủ tiêu chuẩn và chỉ phục vụ thi công Dự án đường cao tốc là khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Đối với khu vực khoáng sản mới (chưa cấp phép thăm dò, khai thác), chỉ cấp cho nhà đầu tư (đối với dự án theo hình thức PPP và BOT), nhà thầu (đối với dự án đầu tư công) thi công Dự án đường cao tốc khi có đề nghị và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về khoáng sản. Nội dung giấy phép khai thác phải quy định trách nhiệm huy động toàn bộ công suất khai thác ghi trong giấy phép để cấp vật liệu cho Dự án đường cao tốc.

b) Đối với các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (trừ cát, sỏi lòng sông, cửa biển) đã cấp phép, đang hoạt động, còn thời hạn khai thác, được phép quyết định nâng công suất không quá 50% công suất ghi trong giấy phép khai thác (không tăng trữ lượng đã cấp phép) mà không phải lập dự án đầu tư điều chỉnh, đánh giá tác động môi trường (báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường) hoặc giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường nhưng phải đáp ứng yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường trong khai thác.

2. Khi thực hiện “cơ chế đặc thù” nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Dự án đường cao tốc đi qua có trách nhiệm:

a) Đối với trường hợp nâng công suất, chỉ cho phép nâng công suất theo điểm b mục 1 nêu trên khi hoạt động khai thác đáp ứng yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác và sau khi tổ chức, cá nhân khai thác đã ký văn bản cam kết cung cấp vật liệu cho nhà đầu tư/nhà thầu của dự án thành phần. Nội dung giấy phép khai thác (điều chỉnh) phải xác định địa chỉ sử dụng khoáng sản là nhà đầu tư/nhà thầu của dự án thành phần đường cao tốc; nghiêm cấm việc nâng giá, ép giá, nếu vi phạm phải xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Đối với khu vực khai thác mới, yêu cầu tổ chức, cá nhân sau khi đã khai thác đủ khối lượng cung cấp cho Dự án đường cao tốc phải thực hiện cải tạo phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ, trả lại mỏ và đất đai cho địa phương quản lý theo quy định.

c) Cấp phép khai thác phải bảo đảm không ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường, phòng chống sạt lở và tai biến địa chất, bảo đảm đa dạng sinh học và bảo vệ rừng; bảo đảm quốc phòng - an ninh; an toàn giao thông cũng như cho các công trình thuộc Dự án đường cao tốc. Việc khai thác cát, sỏi không làm thay đổi dòng chảy, không gây sạt lở lòng, bờ, bãi sông. Không cấp phép khai thác mới đối với các mỏ nằm gần hành lang bảo vệ đường có ảnh hưởng đến cảnh quan và an toàn giao thông đối với đường cao tốc.

d) Kiểm soát chặt chẽ khối lượng khoáng sản khai thác thực tế để yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định; thực hiện việc công bố đầy đủ giá vật liệu xây dựng trên địa bàn theo quy định, không để xảy ra thất thoát tài sản Nhà nước. Trường hợp phát hiện loại khoáng sản khác không phải là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông

thường, yêu cầu tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản kịp thời báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để xử lý theo quy định;

đ) Thực hiện nghiêm Chi thị số 07/CT-TTg ngày 21/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ; đẩy nhanh tiến độ, rút ngắn thời gian khi thực hiện thủ tục cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đường cao tốc thuộc địa bàn;

e) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với các tập thể, cá nhân không làm tròn trách nhiệm hoặc bao che cho hành vi đầu cơ, nâng giá vật liệu để trục lợi; thu hồi giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đã cấp đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản. Đặc biệt kiên quyết xử lý nghiêm theo pháp luật đối với tổ chức, cá nhân bán vật liệu cho tổ chức, cá nhân khác hoặc không cung cấp khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cho nhà đầu tư/nhà thầu đã ghi trong giấy phép đồng thời thu hồi giấy phép đã cấp để cấp cho nhà đầu tư/nhà thầu theo quy định;

g) Quyết định dừng áp dụng “cơ chế đặc thù” nêu tại mục 1 sau khi đã khai thác đủ khối lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đường cao tốc.

Lập 5 Đoàn kiểm tra công tác quản lý, cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường

Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị quyết này. Trước ngày 31/7/2021, chủ trì, phối hợp với các Bộ: Giao thông vận tải, Xây dựng, Công an, Công Thương, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội thành lập 5 Đoàn kiểm tra công tác quản lý, cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đường cao tốc của các địa phương có Dự án đi qua; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khoáng sản, pháp luật có liên quan của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật và Nghị quyết này, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15/8/2021.

Bộ Công Thương khẩn trương nghiên cứu, điều tra theo pháp luật cạnh tranh để xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh liên quan đến vật liệu xây dựng như hành vi thông đồng, thỏa thuận để găm hàng, tăng giá, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường để trục lợi, định kỳ 3 tháng báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Các Bộ: Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải tăng cường nghiên cứu giải pháp công nghệ để sử dụng vật liệu sẵn có, đặc biệt là tro, xỉ từ các nhà máy nhiệt điện đáp ứng yêu cầu làm vật liệu san lấp để cung cấp cho Dự án đường cao tốc theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 26/03/2021.

Nguồn: baochinhpvu.vn

CHUYỂN ĐỔI SỐ - ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính sẽ chủ trì Diễn đàn kinh tế hợp tác, hợp tác xã năm 2021 với chủ đề “Chuyển đổi số - Động lực phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã trong kỷ nguyên mới”.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã đồng ý với Kế hoạch tổ chức Diễn đàn kinh tế hợp tác, hợp tác xã năm 2021. Dự kiến, Diễn đàn sẽ được tổ chức trong Quý III/năm 2021.

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tham gia của Ban Kinh tế Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phối hợp với Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các cơ quan liên quan chuẩn bị kỹ nội dung, chương trình, kịch bản điều hành Diễn đàn, rà soát thành phần đại biểu nhằm phục vụ công tác tổng kết Nghị quyết số 13-NQ/TW và tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012; đồng thời, chuẩn bị tốt công tác hậu cần, bảo đảm việc tổ chức Diễn đàn thiết thực, hiệu quả khi dịch bệnh COVID-19 ổn định và được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tuyên truyền việc tổ chức Diễn đàn.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia Diễn đàn và các hoạt động trong chương trình Diễn đàn; chuẩn bị trả lời các vướng mắc của kinh tế hợp tác, hợp tác xã.

Tại nhiều quốc gia trên thế giới, hợp tác xã là thể chế không thể thiếu, góp phần vào sự phát triển hài hòa về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa; là tất yếu đối với việc thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế tư nhân, cá thể, đặc biệt ở các vùng nông thôn, nơi các tập đoàn, công ty lớn không muốn đầu tư, phát triển. Cách mạng công nghiệp 4.0 và thời kỳ công nghệ số cũng đang mở ra những cơ hội và thách thức đối với toàn bộ nền kinh tế nước ta, trong đó có khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã. Với tình hình đó, không chỉ nông dân, hộ sản xuất đơn lẻ mà cả các doanh nghiệp, hợp tác xã cũng phải liên kết, hợp tác với nhau mới có thể đứng vững và phát triển. Khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã đã, đang và sẽ phát huy vai trò của mình trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trước đó, Diễn đàn Kinh tế hợp tác, hợp tác xã năm 2020 đã được tổ chức tại Trung tâm Hội nghị quốc gia (Hà Nội) vào tháng 12/2020 với chủ đề “Liên kết, hợp tác cùng phát triển - Xu hướng hội nhập quốc tế và thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.

Đây là diễn đàn đối thoại giữa Chính phủ và cộng đồng khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã. Tại Diễn đàn, đại diện các hiệp hội, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã cùng trao đổi những vấn đề mới trong phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã, nhận diện rõ hơn các cơ hội, thách thức. Các diễn giả cũng đề xuất những hướng phát triển mới hơn cho khu vực kinh tế hợp tác trong tương lai, nhất là các kinh nghiệm hợp tác quốc tế cũng như ứng dụng khoa học công nghệ mới 4.0 vào sản xuất.

Diễn đàn cũng là cơ hội tăng cường hợp tác giữa các hợp tác xã với nhau, giữa hợp tác xã với doanh nghiệp, đẩy mạnh hợp tác, kết nối thị trường, công nghệ...

Nguồn: baohinhphu.vn

BỘ NỘI VỤ: BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG

Ngày 11/6, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà ký Quyết định số 726/QĐ-BNV ban hành Chương trình hành động của Bộ Nội vụ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Theo đó, Bộ Nội vụ xác định, việc quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là nhiệm vụ chính trị quan trọng của các cấp ủy đảng Bộ Nội vụ; là trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức Bộ Nội vụ nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhất là trên lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Nội vụ.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Bộ Nội vụ xác định 09 mục tiêu cụ thể:

Thứ nhất, đẩy mạnh việc hoàn thiện hệ thống thể chế bảo đảm thống nhất, đồng bộ, công khai, minh bạch, gắn với việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực thi pháp luật trên các lĩnh vực công tác của Bộ, ngành Nội vụ.

Thứ hai, xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, công khai minh bạch, quản lý thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả cải cách hành chính trên tất cả các lĩnh vực; tăng cường năng lực dự báo, phân tích và đề xuất chính sách trên cơ sở nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, lựa chọn mô hình mới, cách làm hay; đồng thời, tận dụng tối đa các cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tiếp tục tham mưu đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia minh bạch, hiệu quả.

Thứ ba, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức; xác định rõ trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ và các Bộ, ngành với chính quyền địa phương; khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tiếp tục củng cố, hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương phù hợp với từng địa bàn, bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất, đồng thời phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, đơn

vị; xây dựng và vận hành các mô hình quản trị chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Thứ tư, tiếp tục sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, quản trị tiên tiến; cung ứng dịch vụ công cơ bản, thiết yếu, có hiệu quả và chất lượng ngày càng cao hướng tới cơ chế thị trường, thực hiện xã hội hóa ở những nơi có đủ điều kiện và thu hút mạnh mẽ các loại hình kinh tế tham gia.

Thứ năm, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, chuyên nghiệp, có trình độ và năng lực chuyên môn đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước, phục vụ Nhân dân.

Thứ sáu, phân đầu hoàn thành việc xây dựng các văn bản quy định về chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 Khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

Thứ bảy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; đẩy mạnh công tác đối ngoại về các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ, ngành Nội vụ, đặc biệt là đối ngoại về tôn giáo, tín ngưỡng, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chính sách phát triển thanh niên, văn thư, lưu trữ, quản lý hội, quỹ và các tổ chức phi chính phủ.

Thứ tám, coi trọng công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên. Xây dựng các tổ chức đảng, đoàn thể chính trị của Bộ Nội vụ đoàn kết, thống nhất, trong sạch, vững mạnh toàn diện.

Thứ chín, thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, hậu kiểm trên các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

Bộ trưởng yêu cầu, Chương trình hành động của Bộ Nội vụ phải bám sát tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đề cập thể hóa quan điểm, đường lối, định hướng và nội dung liên quan nhằm tập trung thực hiện đồng bộ, toàn diện, trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành Nội vụ giai đoạn 2021 - 2025, đặc biệt là lĩnh vực tổ chức bộ máy và công vụ, công chức, viên chức.

Đồng thời, là căn cứ để các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, tổ chức đảng và các đoàn thể chính trị - xã hội của Bộ xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện với phương châm khơi dậy và phát huy tối đa sự chủ động, năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Về nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, Bộ trưởng yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác tuyên truyền, nghiên cứu, quán triệt, học tập Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các cơ quan báo chí, truyền thông của Bộ cần bám sát các chủ trương, chính sách, sự

kiện và các nhiệm vụ chính trị của Bộ, ngành Nội vụ để tuyên truyền sâu, rộng nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, đồng thời tạo sự đồng thuận của xã hội đối với việc đổi mới cơ chế, chính sách do Bộ, ngành Nội vụ đề xuất. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động có chiều sâu để khích lệ, động viên tinh thần cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Cùng với đó, tập trung thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của Bộ, ngành Nội vụ trên các lĩnh vực công tác: xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế; thực hiện cải cách hành chính; tổ chức bộ máy và biên chế; xây dựng chính quyền địa phương; quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; công tác tín ngưỡng, tôn giáo; công tác thi đua, khen thưởng; công tác văn thư, lưu trữ nhà nước và các lĩnh vực công tác khác theo chức năng quản lý nhà nước của Bộ.

Đồng thời, đẩy mạnh toàn diện công tác xây dựng Đảng, trong đó, chú trọng công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên; đổi mới công tác cán bộ; coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ; tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Trên cơ sở các mục tiêu đã đề ra, Bộ trưởng yêu cầu các cơ quan, đơn vị trong Bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nghiêm túc, chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ của Bộ, ngành Nội vụ được giao, đặc biệt là xây dựng Chính phủ và chính quyền địa phương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với Nhân dân.

Các cấp ủy, tổ chức Đảng, Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị làm tốt công tác quán triệt, tuyên truyền sâu rộng về nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng với 6 nhiệm vụ trọng tâm, 03 đột phá chiến lược; khai thác, phát huy tối đa trí tuệ, năng lực của tập thể và từng cá nhân, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ để khơi dậy mạnh mẽ tinh thần đổi mới, sáng tạo, ý chí và khát vọng phát triển đất nước, phát triển Bộ, ngành Nội vụ lên một tầm cao mới.

Thanh Tuấn - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NGÀNH TƯ PHÁP: LỘ TRÌNH CHUYÊN ĐỔI SỐ ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

“Chương trình Chuyên đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” ban hành kèm theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ xác định: Mỗi cơ quan, tổ chức và cả quốc gia cần tận dụng tối đa cơ hội để phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, trong đó, việc xác định sớm lộ trình và đẩy nhanh tiến trình chuyên

đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương có ý nghĩa sống còn, là cơ hội để phát triển các ngành, lĩnh vực, địa phương. Cụ thể hóa nội dung trên, ngày 10/6/2021, Bộ Tư pháp đã ra Quyết định số 983/QĐ-BTP ban hành Kế hoạch “Chuyển đổi số ngành Tư pháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” hướng dẫn, hỗ trợ cơ quan tư pháp triển khai chuyển đổi số trong giai đoạn mới.

Quá trình triển khai Kế hoạch, cơ quan, đơn vị thực hiện nhất quán các quan điểm chỉ đạo: (1) Chuyển đổi số ngành Tư pháp là nhiệm vụ quan trọng cần tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả để góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng dịch vụ công của ngành Tư pháp; (2) Xác định thể chế và công nghệ là động lực của chuyển đổi số; Thể chế cần đi trước một bước. Kiến tạo thể chế, chính sách nhằm sẵn sàng chấp nhận và thử nghiệm quy trình nghiệp vụ mới dựa trên dữ liệu số, công dân số hạ tầng số một cách có kiểm soát; đẩy nhanh tiến trình phát triển Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số ngành Tư pháp; (3) Chuyển đổi số phải xác định phục vụ người dân, doanh nghiệp là trung tâm trên cơ sở một tầm nhìn tổng thể và lộ trình, bước đi, ưu tiên cụ thể, phù hợp, khả thi, hiệu quả và an toàn trong điều kiện thực tế ngành Tư pháp; (4) Thay đổi nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số; thực hiện đồng bộ các giải pháp để chuyển đổi số; (5) An toàn thông tin số là yếu tố xuyên suốt trong quá trình thiết kế, xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và các tài nguyên công nghệ thông tin trong phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số.

Lộ trình xác định mục tiêu cụ thể: Đến năm 2025, 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện; 90% hồ sơ công việc tại cơ quan được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); 100% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của cơ quan Bộ được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành; 100% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử ngành Tư pháp được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc; 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của ngành Tư pháp quản lý.

Đến năm 2030, 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập; 100% hồ sơ công việc tại cơ quan được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); Hình thành nền tảng dữ liệu cho các lĩnh vực trọng điểm, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp; 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

Các nhóm giải pháp được ngành Tư pháp xác định tập trung vào: Nâng cao nhận thức bằng các hình thức phù hợp; Kiến tạo thể chế theo hướng khuyến khích, sẵn sàng tiếp nhận sản phẩm, phương thức quản lý mới đối với những quan hệ mới phát sinh; Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin hoặc thuê hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin; Duy trì và tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin; Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các đơn vị trực thuộc Bộ, các cơ quan tư pháp địa phương bằng các phương thức phù hợp; Xác định nguồn nhân lực là yếu tố quyết định thành công của chuyển đổi số; Phát triển

các mô hình kết hợp giữa các cơ quan, nhà nước, doanh nghiệp; Bảo đảm kinh phí để thực hiện Kế hoạch.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp trên để hiện thực hóa mục tiêu của Kế hoạch “Chuyển đổi số ngành Tư pháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” có ý nghĩa quan trọng, góp phần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa hành chính, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính của ngành trong giai đoạn mới.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

BỘ XÂY DỰNG: BÃI BỎ NHIỀU THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

*** Bộ Xây dựng vừa công bố danh mục các thủ tục hành chính, điều chỉnh Bộ câu hỏi phục vụ sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, trong đó bãi bỏ 12 thủ tục hành chính.**

Ngày 08/6, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ký ban hành Quyết định số 700/QĐ-BXD công bố các thủ tục hành chính ban hành mới, thay thế và bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng.

Phần I của Quyết định số 700/QĐ-BXD gồm danh mục các thủ tục hành chính; Phần II của Quyết định số 700/QĐ-BXD bao gồm các nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính và mẫu Tờ trình thẩm định các báo cáo.

Theo đó, có 2 thủ tục hành chính ban hành mới, cấp trung ương, gồm cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I; Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I. Có 2 thủ tục hành chính ban hành mới, cấp tỉnh gồm cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III; cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III.

Trong tổng số 41 thủ tục hành chính được thay thế, có 14 thủ tục cấp trung ương, gồm: Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm A, dự án trên địa bàn 2 tỉnh trở lên; cấp Giấy phép hoạt động xây dựng điều chỉnh cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm A, dự án liên tỉnh; cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng I; cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I; cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng; cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I do lỗi của cơ quan cấp;...

Có 19 thủ tục hành chính được thay thế, cấp tỉnh: Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; cấp Giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình

không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án); cấp Giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến, công trình theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án)...

Có 8 thủ tục hành chính được thay thế, cấp huyện, gồm thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV, công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án và nhà ở riêng lẻ; cấp Giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV...

Bãi bỏ 12 thủ tục

Có 8 thủ tục hành chính cấp trung ương bãi bỏ, gồm: Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh; cấp Giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt; cấp Giấy phép xây dựng, sửa chữa, cải tạo công trình cấp đặc biệt; cấp Giấy phép di dời công trình cấp đặc biệt;...

Có 2 thủ tục hành chính cấp tỉnh bãi bỏ, gồm: Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh; cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III đối với trường hợp bị thu hồi theo quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

Có 2 thủ tục hành chính cấp huyện bãi bỏ là: Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế một bước).

* Ngày 9/6/2021, Bộ trưởng Bộ Xây dựng cũng ký ban hành Quyết định số 702/QĐ-BXD công bố điều chỉnh Bộ câu hỏi phục vụ sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng căn cứ theo Quyết định số 223/QĐ-BXD ngày 11/3/2021 của Bộ Xây dựng về việc thành lập Tổ thẩm định rà soát, chỉnh sửa Bộ câu hỏi phục vụ sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo Quyết định số 1623/QĐ-BXD ngày 26/12/2018 cho phù hợp với các lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021.

*** Công bố 10 thủ tục hành chính mới, sửa đổi trong lĩnh vực nhà ở**

Ngày 11/6/2021, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ký Quyết định số 705/QĐ-BXD công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Theo đó, có 03 thủ tục hành chính ban hành mới gồm: Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung; giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước; giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước. 01 thủ tục được thay thế là lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại.

06 thủ tục sửa đổi, bổ sung, gồm: Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư; chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư; gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài; thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước; cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước; bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

Ngoài ra, Quyết định số 705/QĐ-BXD cũng bãi bỏ 03 thủ tục hành chính về chấp thuận chủ trương dự án đầu tư xây dựng nhà ở.

Nguồn: baoxaydung.com.vn/hanoimoi.com.vn

NGÀNH TÀI CHÍNH: SẼ CUNG CẤP THÊM NHIỀU DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3, 4

Trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, nhằm tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan tới lĩnh vực tài chính, Bộ Tài chính đã và đang triển khai tích hợp dịch vụ công trực tuyến lên Cổng dịch vụ công quốc gia...

285 dịch vụ lên Cổng dịch vụ công quốc gia

Cổng dịch vụ công quốc gia được thiết lập tại một địa chỉ duy nhất để công khai, minh bạch các thông tin liên quan về thủ tục hành chính và cung cấp, hỗ trợ thực hiện dịch vụ công theo nhu cầu sử dụng, phù hợp với từng đối tượng.

Bộ Tài chính luôn xác định đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến là ưu tiên số 1 trong quá trình xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, để tiết giảm chi phí, tiết kiệm thời gian cho người dân, doanh nghiệp, công khai và minh bạch về thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Với mục tiêu vừa tập trung phòng chống dịch, kiên quyết không để lây lan, vừa nỗ lực cao nhất để hoàn thành nhiệm vụ góp phần vào thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Bộ Tài chính đã ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong giải quyết công việc; đồng thời tích cực tuyên truyền khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Bộ Tài chính cho biết, tính đến tháng 5/2021, tổng số thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực của bộ là 895. Trong đó, số dịch vụ công trực tuyến (gọi tắt là dịch vụ) mức độ 1 là 94 (tỷ lệ 10,5%); số dịch vụ mức độ 2 là 281 (tỷ lệ 31,3%); số dịch vụ mức độ 3 là 80 (tỷ lệ 8,9%); số dịch vụ mức độ 4 là 440 (tỷ lệ 49,1%). Tổng số dịch vụ mức độ 3, 4 là 520 (tỷ lệ 58,1%). Tổng số hồ sơ trực tuyến tính đến hết tháng 5/2021 hơn 33.662.429 hồ sơ.

Tính đến hết tháng 5/2021, Bộ Tài chính cũng đã hoàn thành kết nối, tích hợp 285/520 dịch vụ mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt tỷ lệ 55%, trong đó Tổng cục Thuế 150 dịch vụ, Tổng cục Hải quan 72 dịch vụ, Kho bạc Nhà nước 7 dịch vụ, cơ quan Bộ Tài chính 56 dịch vụ.

Sẽ cung cấp thêm 76 dịch vụ mức độ 3, 4

Theo quy định tại Điều 21 của Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ, các thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính (gọi tắt là thủ tục) được ưu tiên thực hiện trên môi trường điện tử nếu đáp ứng ít nhất một loại tiêu chí dưới đây: Những thủ tục có số lượng hồ sơ phát sinh nhiều, tần suất giao dịch lớn; thủ tục có các thành phần hồ sơ, dữ liệu đầu vào đã được cơ quan nhà nước số hóa và sẵn sàng cho việc kết nối, chia sẻ; thủ tục có nhiều thành phần hồ sơ, dung lượng hồ sơ điện tử thực hiện là thủ tục lớn; nhóm là thủ tục có liên quan đến nhau thuộc thẩm quyền giải quyết của nhiều bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương; nhóm thủ tục liên quan đến thẩm quyền giải quyết của nhiều đơn vị trong Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương; thủ tục, nhóm thủ tục ưu tiên triển khai trên môi trường điện tử theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Trên cơ sở quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP và kết quả rà soát của các đơn vị, trong năm 2021, Bộ Tài chính sẽ cung cấp thêm 76 dịch vụ mức độ 3, 4 (trong đó có 19 dịch vụ mức độ 3 và 57 dịch vụ mức độ 4) và tích hợp thêm 31 dịch vụ lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Cụ thể, Tổng cục Thuế sẽ cung cấp thêm 52 dịch vụ mức độ 3, 4 gồm 19 dịch vụ công mức độ 3 và 33 dịch vụ công mức độ 4 (trong đó xây dựng mới 22 dịch vụ và nâng cấp 11 dịch vụ từ mức độ 3) và tích hợp 3 dịch vụ lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Số thủ tục chưa đủ điều kiện để cung cấp thành dịch vụ mức độ 4 là 121 thủ tục do số lượng hồ sơ phát sinh ít, nhiều thủ tục có kèm theo những hồ sơ, giấy tờ gốc hoặc có công chứng, chứng thực gửi kèm.

Tổng cục Hải quan sẽ xây dựng thêm mới 22 dịch vụ mức độ 4 và tích hợp 26 dịch vụ lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Số thủ tục hành chính chưa đủ điều kiện để cung cấp thành dịch vụ mức độ 4 là 35 thủ tục do các thủ tục này phát sinh hồ sơ rất ít, hoặc không hiệu quả do đối tượng sử dụng là cư dân biên giới hoặc người nước ngoài, hoặc do bộ, ngành khác thực hiện.

Kho bạc Nhà nước cũng sẽ cung cấp thêm 2 dịch vụ mức độ 4 và tích hợp 2 dịch vụ lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Đến hết năm 2021, Kho bạc Nhà nước sẽ hoàn thành cung cấp 100% các thủ tục thành dịch vụ mức độ 4 và tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ không cung cấp thêm dịch vụ mức độ 4 và tích hợp 11 dịch vụ lên Cổng dịch vụ công quốc gia trong năm 2021. Số thủ tục chưa đủ điều kiện để cung cấp thành dịch vụ mức độ 4 là 47 thủ tục. Hiện nay, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đang rà soát, đánh giá danh mục các thủ tục được ban hành theo Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 7/01/2021 đảm bảo theo quy định tại Điều 21 của Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ để cung cấp dịch vụ mức độ 3, 4 trong năm 2021.

Đối với lĩnh vực tài chính chung, cơ quan Bộ Tài chính sẽ không cung cấp thêm dịch vụ mức độ 4. Số thủ tục hành chính chưa đủ điều kiện để cung cấp thành dịch vụ mức độ 4 là

199 thủ tục do không phát sinh hồ sơ hoặc phát sinh rất ít, nhiều thủ tục liên quan đến các Bộ, ngành khác.

Như vậy, tính đến hết năm 2021, Bộ Tài chính sẽ cung cấp thêm 48 dịch vụ mức độ 4 nâng tổng số lên thành 488 dịch vụ mức độ 4 đạt 54,5%, còn lại 407 thủ tục chưa đủ điều kiện để cung cấp thành dịch vụ mức độ 4.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI

* Bộ Thông tin và Truyền thông: Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân đối với dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

Theo đó, dự thảo bổ sung thêm một nhiệm vụ của Quỹ. Bên cạnh 8 nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg, dự thảo bổ sung thêm nhiệm vụ thứ 9 của Quỹ là: “Thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Thông tin và Truyền thông giao về xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích”.

Dự thảo cũng quy định nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên và chi đầu tư của Quỹ gồm: Kinh phí quản lý chương trình, dự án, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích áp dụng theo định mức chi phí quản lý dự án có tính chất và quy mô tương tự do Bộ Xây dựng ban hành hoặc dự toán do Bộ Thông tin và Truyền thông giao; lãi tiền gửi từ các nguồn thu chưa sử dụng tại các ngân hàng thương mại; nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Chế độ tài chính của Quỹ bao gồm cả lương, thưởng, phúc lợi, thực hiện theo cơ chế của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

Nội dung chi của Quỹ là hỗ trợ thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; các nội dung chi khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Theo Quyết định 11/2014/QĐ-TTg, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam là tổ chức tài chính nhà nước, trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, được thành lập để thực hiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên phạm vi cả nước.

Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có bảng cân đối kế toán riêng. Quỹ mở tài khoản tại ngân hàng thương mại, Kho bạc Nhà nước. Trụ sở chính của Quỹ đặt tại Tp. Hà Nội.

Quỹ có các nhiệm vụ như: Tiếp nhận đóng góp từ các doanh nghiệp viễn thông, viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác; hỗ trợ tài chính thông qua cấp phát kinh phí để triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; quản lý nguồn thu, chi và tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí do Quỹ hỗ trợ...

*** Bộ Thông tin và Truyền thông: Định mức biên chế công chức ngành Thông tin và Truyền thông**

Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân đối với dự thảo Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông và định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc Ngành.

Dự thảo đề xuất định mức biên chế công chức của cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông như sau: Các Cục, Vụ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành Thông tin và Truyền thông phải đảm bảo biên chế tối thiểu theo tiêu chí thành lập quy định tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cụ thể:

Vụ phải đảm bảo tối thiểu 15 biên chế công chức. Trường hợp vụ có nhiều mảng công tác và khối lượng công việc yêu cầu phải thành lập phòng trong vụ thì phải đảm bảo tối thiểu 30 biên chế công chức.

Cục phải đảm bảo tối thiểu 30 biên chế công chức.

Dự thảo cũng nêu rõ về định mức biên chế công chức trong các cơ quan chuyên môn về Thông tin và Truyền thông cấp tỉnh. Theo đó, biên chế công chức tối thiểu trong cơ quan chuyên môn về Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực trung ương là 30 biên chế.

Cơ quan chuyên môn về thông tin và truyền thông thuộc TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh có biên chế công chức tối thiểu là 65 biên chế công chức.

Theo dự thảo, biên chế công chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông tối thiểu trong cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện là 2 biên chế.

Cơ quan chuyên môn về thông tin và truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh có biên chế công chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông tối thiểu là 4 biên chế.

Trên cơ sở định mức biên chế quy định nêu trên, cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành Thông tin và Truyền thông căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và thực tế sử dụng biên chế để đề xuất cấp có thẩm quyền giao biên chế công chức hàng năm phù hợp với nhiệm vụ được giao.

*** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Doanh nghiệp FDI nhập khẩu vàng nguyên liệu theo cơ chế một cửa**

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lấy ý kiến góp ý với dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng.

Dự thảo Thông tư bổ sung quy định: Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ nộp hồ sơ đề nghị cấp phép

dưới dạng điện tử theo quy định tại Điều 12 Thông tư này đến Cổng thông tin một cửa quốc gia để được cấp giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu.

Dự thảo cũng bổ sung Khoản 5 vào Điều 15 hướng dẫn thực hiện thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo cơ chế một cửa quốc gia.

Theo đó, thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo cơ chế một cửa quốc gia thực hiện như sau:

Thứ nhất, về nguyên tắc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin về hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu vàng nguyên liệu:

Hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số gửi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin, sử dụng chữ ký số trên Cổng thông tin một cửa quốc gia và hệ thống xử lý chuyên ngành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định số 5/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Trường hợp hệ thống Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc hệ thống xử lý chuyên ngành của Ngân hàng Nhà nước gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ngân hàng Nhà nước.

Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc hoặc bản chính (tập tin định dạng PDF, TIF, JPG...), trừ văn bản đề nghị cấp phép nhập khẩu vàng nguyên liệu được khai trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Các tài liệu trong hồ sơ giấy là bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.

Thứ hai, về trình tự, thủ tục cấp phép nhập khẩu vàng nguyên liệu:

Khi có nhu cầu thực hiện nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng, doanh nghiệp lập và gửi 1 bộ hồ sơ cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định.

Trong 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp hoặc từ chối cấp phép (ghi rõ lý do) Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp và gửi cho doanh nghiệp theo quy định. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước thông báo trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc có văn bản thông báo cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

Nguồn: baochinhpvu.vn

HÀ NỘI: ĐẨY MẠNH TUYÊN TRUYỀN 6 NỘI DUNG TRỌNG TÂM CỦA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH; BAN HÀNH MỚI 8 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

*** Đẩy mạnh tuyên truyền 6 nội dung trọng tâm của công tác cải cách hành chính**

Ngày 14/6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội Chu Ngọc Anh ký ban hành Kế hoạch số 145/KH-UBND về thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước của TP. Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025.

Theo đó, trong 5 năm, toàn thành phố tập trung tuyên truyền các nhiệm vụ trọng tâm theo 6 nội dung của công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025, gồm: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Cùng với đó, thông tin đầy đủ, liên tục quá trình thực hiện các nhiệm vụ của công tác cải cách hành chính của thành phố; các kết quả nổi bật trong công tác này trên các lĩnh vực; kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ trong giai đoạn 2021 - 2025, kết quả hằng năm, kết quả từng hoạt động về cải cách hành chính. Tuyên truyền kết quả thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính của ngành, địa phương, đơn vị...

Thông tin, tuyên truyền điểu đột phá, sáng tạo, mô hình mới, cách làm hay của tổ chức, tập thể trong cải cách hành chính; các sáng kiến, ý tưởng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thành phố; các tấm gương cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ứng xử văn minh, có trách nhiệm tận tụy, có tinh thần, thái độ đúng mực trong phục vụ Nhân dân; các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc được khen thưởng trong công tác cải cách hành chính.

Thông tin và xây dựng các kênh thông tin để tiếp nhận các ý kiến đề xuất, góp ý, phát hiện, hiến kế... của tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, quần chúng Nhân dân đối với TP. Hà Nội và các cơ quan, đơn vị, địa phương về công tác cải cách hành chính; phản ánh của người dân đối với công tác cải cách hành chính của thành phố và những kết quả khắc phục, xử lý các vấn đề người dân, dư luận bức xúc; việc tiếp thu, phản hồi ý kiến đóng góp và kết quả xử lý các kiến nghị, đề xuất của tổ chức, cá nhân đối với chính quyền.

*** Ban hành mới 8 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền Sở Khoa học và Công nghệ**

Ngày 15/6/2021, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ký ban hành Quyết định số 2631/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực: Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hà Nội.

Theo quyết định, danh mục 8 thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung gồm: Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (thời gian giải quyết trong 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ); cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (thời gian giải quyết trong 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ); gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (thời gian quyết trong 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ); sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (thời gian giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ); bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (thời gian giải quyết trong 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ); cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (thời gian giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ); cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế (thời gian giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ); đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (thời gian giải quyết trong 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ).

Còn 7 thủ tục hành chính bị bãi bỏ gồm các thủ tục từ 1 đến 7 mục III phần B Quyết định số 3359/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ trên địa bàn TP. Hà Nội.

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội giao Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm rà soát, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội phê duyệt, bãi bỏ quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại quyết định này theo quy định.

Nguồn: hanoimoi.com.vn

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH: TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ TRONG NGÀY ĐỐI VỚI 9 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Từ ngày 21/6 đến ngày 27/6, Công an TP. Hồ Chí Minh thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong ngày đối với 9 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận giải quyết của Công an TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 16/6, Công an TP. Hồ Chí Minh cho biết, thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về tổ chức tháng cao điểm thực hiện Chủ đề năm 2021 “Năm xây dựng chính quyền đô thị và cải thiện môi trường đầu tư”, từ ngày 21/6 đến ngày 27/6, đơn vị sẽ tổ chức thực hiện tuần lễ “Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính ngay trong ngày” đối với 9 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận giải quyết của Công an TP. Hồ Chí Minh.

Cụ thể, 9 thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả trong ngày bao gồm:

Hai thủ tục thực hiện tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh: Thủ tục trình báo mất hộ chiếu phổ thông; Thủ tục khai báo tạm trú cho người nước ngoài cư trú tại TP. Hồ Chí Minh qua Trang thông tin điện tử;

Hai thủ tục thực hiện tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội: Thủ tục đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu; Thủ tục thông báo khai báo vũ khí thô sơ.

Một thủ tục thực hiện tại Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt: Thủ tục cấp giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên;

Hai thủ tục thực hiện tại công an quận, huyện và TP. Thủ Đức: Thủ tục đăng ký cấp biển số xe; Thủ tục đăng ký thường trú trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công an;

Hai thủ tục thực hiện tại công an phường, xã, thị trấn: Khai báo tạm trú cho người nước ngoài cư trú tại TP. Hồ Chí Minh bằng Phiếu khai báo tạm trú; Đăng ký tạm trú tại công an cấp xã.

Công an TP. Hồ Chí Minh yêu cầu cấp ủy - chỉ huy và mỗi cán bộ chiến sĩ Công an TP. Hồ Chí Minh tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân nhằm hỗ trợ, xử lý nhanh chóng, kịp thời các thủ tục hành chính liên quan đến người dân và doanh nghiệp trên địa bàn thuộc thẩm quyền giải quyết. Qua đó, góp phần tạo môi trường thuận lợi, thu hút đầu tư trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

Nguồn: sggp.org.vn

QUẢNG NINH: HUYỆN ĐÀM HÀ ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Trong bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh (DDCI) khối địa phương năm 2020, huyện Đầm Hà (tỉnh Quảng Ninh) vươn lên từ vị trí thứ 4 nhóm chưa tốt năm 2019 lên vị trí thứ 9 nhóm tốt. Đây chính là kết quả ghi nhận những nỗ lực của địa phương trong việc tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, nhất là cải cách hành chính tạo hướng công khai, minh bạch, hiệu quả.

Sau sáp nhập, Quảng Tân là xã có dân số lớn nhất trên địa bàn huyện. Và với địa bàn rộng, nhiều thôn nằm ở khu vực vùng sâu, vùng xa... Do đó, xã đã thực hiện nhiều giải pháp sớm ổn định tổ chức của bộ phận tiếp nhận, trả kết quả hiện đại để giải quyết thủ tục hành chính cho người dân. Việc xây dựng tác phong tận tình hướng dẫn cho người dân, hỗ trợ người dân kê khai hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính ngoài giờ được duy trì và thực hiện tốt. Những thủ tục đơn giản được giải quyết nhanh gọn, thủ tục cần thời gian giải quyết được ghi phiếu hẹn cụ thể, thủ tục không thuộc thẩm quyền được hướng dẫn tận tình để người dân thuận tiện liên hệ...

Ông Nguyễn Văn Lợi, thôn Đồng Cói, xã Quảng Tân, huyện Đầm Hà, cho biết: Nhà tôi nằm cách xa trung tâm xã, nên tôi thường tranh thủ buổi sáng tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại thực hiện các thủ tục hành chính. Tại đây, chúng tôi được cán bộ xã hướng dẫn

tận tình, thái độ đúng mực, thời gian giải quyết nhanh chóng. Nhiều thủ tục được giải quyết từ 30 phút đến 1 giờ. Điều này, tạo thuận lợi tối đa cho giúp người dân ở các thôn nằm xa khu vực trung tâm xã như chúng tôi.

Không riêng xã Quảng Tân, Trung tâm Hành chính công huyện Đàm Hà đã phối hợp với các cơ quan đơn vị rà soát, triển khai, đưa 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền phê duyệt của huyện vào thực hiện tại Trung tâm hành chính công. Số thủ tục được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đạt 88,32%; mức độ 4 là 81,52%. Đặc biệt, Trung tâm hành chính công huyện cũng đã tham mưu, triển khai sử dụng con dấu thứ 2 ngay tại Trung tâm với một số thủ tục thuộc 3 lĩnh vực là: Tư pháp, tài chính, đất đai để thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo nguyên tắc 5 tại chỗ. Đây đều là những thủ tục thường xuyên phát sinh số lượng lớn hồ sơ trên địa bàn huyện. Việc giải quyết thủ tục hành chính được khép kín ngay tại Trung tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, nhất là ở địa bàn thôn, xã vùng sâu, huyện cũng triển khai trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích, với một quầy bưu điện tiếp nhận hồ sơ ngay tại Trung tâm Hành chính công. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn đạt trên 95%.

Cùng với cải cách thủ tục hành chính, huyện Đàm Hà chú trọng triển khai nhiều nội dung liên quan đến cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước. Trong đó, huyện đã sắp xếp lại một số đơn vị có sự tương đồng, đảm bảo phù hợp với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu của sự phát triển như: Ban Tổ chức với phòng Nội vụ thành Cơ quan Tổ chức - Nội vụ, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện về Ban Tuyên giáo; cơ quan Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy với Thanh tra huyện...

Từ ngày 01/5, huyện Đàm Hà hiện là 1 trong 4 địa phương thực hiện sáp nhập Trung tâm Phát triển quỹ đất với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng, đồng thời, cơ quan này hoạt động theo cơ chế tự chủ. Qua đó, tăng cường phát huy hiệu quả hoạt động của đơn vị theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, mở rộng xã hội hóa.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng là đơn vị sự nghiệp đặc thù trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, áp dụng cơ chế tự chủ tài chính đảm bảo chi thường xuyên. Mặc dù, có sự điều chỉnh về bộ máy, tổ chức, nhân lực sau sáp nhập, song việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng vẫn được đảm bảo đúng kế hoạch, yêu cầu, tiến độ đề ra. Từ đó, tạo điều kiện cho doanh nghiệp triển khai dự án, nhanh chóng đưa các dự án vào hoạt động, đáp ứng nhu cầu đời sống Nhân dân.

Nhờ những nỗ lực trong cải cách hành chính, giúp cho huyện Đàm Hà đã và đang là mảnh đất vàng thu hút đầu tư, nhất là các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đây cũng là tiền đề để huyện Đàm Hà tiếp tục gặt hái những thành công trong thời gian tới, tạo nên nền hành chính công khai, minh bạch, hiện đại, xây dựng chính quyền phục vụ.

Nguồn: baoquangninh.com.vn

VĨNH PHÚC: SỞ XÂY DỰNG CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG TẠO THUẬN LỢI CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Đơn giản hóa với tất cả các thủ tục hành chính, quy chế phối hợp với Công an tỉnh trong công tác quản lý đầu tư xây dựng và phòng cháy, chữa cháy, hạn chế tối đa việc tổ chức, cá nhân phải đi lại nhiều lần... là những giải pháp được Sở Xây dựng Vĩnh Phúc đang thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả trong lĩnh vực xây dựng, tạo sự hài lòng đối với các tổ chức, cá nhân.

Theo đó, Sở Xây dựng đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực xây dựng tại Quyết số 705/QĐ-CT ngày 24/3/2021 công bố danh mục thủ tục hành chính dịch vụ công mức độ 4 thực hiện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 2476/QĐ-CT ngày 02/10/2020 về việc công bố thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thực hiện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 1652/QĐ-CT ngày 13/7/2020 về công bố danh mục thủ tục hành chính nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Quyết định 1321/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 về công bố danh mục thủ tục hành chính của Sở Xây dựng tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, trong đó giảm thời gian thực hiện các thủ tục cải cách hành chính theo quy định từ 20% - 70%.

Sở Xây dựng đã thực hiện đơn giản hóa với tất cả các thủ tục hành chính theo quy định với thời gian cắt giảm thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh >20%, cấp huyện >20%. Đặc biệt, có một số thủ tục hành chính đã cắt giảm thời gian thực hiện đến 73,3% như thủ tục giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng, công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị, công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Thủ tục điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng, công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị, công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài).

Hơn nữa, Sở Xây dựng và Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành “Quy chế phối hợp số 01/QCPH-SXD-CAT ngày 28/9/2020 trong công tác quản lý đầu tư xây dựng và phòng cháy, chữa cháy đối với dự án, công trình” để giảm thiểu thời gian, phối hợp triển khai trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính như thẩm định thiết kế xây dựng, thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm; trao đổi thông tin có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng và phòng cháy, chữa cháy đối với dự án, công trình thuộc danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy...

Không chỉ vậy, Sở Xây dựng còn bố trí công chức thường trực bên Trung tâm Phục vụ hành chính công để thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận và giải quyết các vướng mắc về thủ tục hành chính thuộc Sở Xây dựng, đảm bảo công khai, minh bạch.

Năm 2021, Sở Xây dựng đã ban hành Chương trình hành động của Sở để thực hiện tốt các nhiệm vụ mà Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giao tại Quyết định số 29/QĐ-SXD ngày 29/01/2021 và ban hành các kế hoạch để tiếp tục cải cách thủ tục hành chính như: Kế hoạch về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021; kế hoạch về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021; kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025...

Với việc đồng thời triển khai nhiều giải pháp trong cải cách thủ tục hành chính, nhiều năm qua, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Xây dựng đạt nhiều kết quả tích cực. Năm 2019, Sở Xây dựng đã tiếp nhận và giải quyết đúng và trước hạn 1313 hồ sơ (đạt 100%), 0 hồ sơ chậm hạn. Năm 2020, đã tiếp nhận và giải quyết đúng và trước hạn 1196 hồ sơ (đạt 99,9%), 1 hồ sơ chậm hạn 0,5 ngày. Tính đến 31/5/2021 Sở Xây dựng đã tiếp nhận và giải quyết đúng và trước hạn 336 hồ sơ (đạt 100%), 0 hồ sơ chậm hạn.

Nguồn: baoxaydung.com.vn

THANH HÓA: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠO MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ THÔNG THOÁNG, HẤP DẪN

“Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn” tiếp tục được Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định là khâu đột phá. Để thực hiện khâu đột phá này, các cấp, các ngành đã và đang triển khai nhiều giải pháp nhằm tạo dấu ấn nổi bật, đưa công tác cải cách hành chính trở thành “đòn bẩy” để hiện thực hóa những mục tiêu đại hội đề ra.

Dự thảo kế hoạch hành động thực hiện khâu đột phá “Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn” của tỉnh xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, lâu dài trong chiến lược xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, cấp ủy, chính quyền các cấp, mỗi cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu phải hành động quyết liệt, hiệu quả cải cách hành chính phải “đong, đo, đếm” được chứ không chạy theo thành tích. Dự thảo kế hoạch hành động thực hiện khâu đột phá cũng đề ra các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025 là: 100% hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện được giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 và được số hóa kết quả giải quyết; 95% tổ chức, người dân, doanh nghiệp hài lòng với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước; Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức (SIPAS), Chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI) của tỉnh nằm trong nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước; hoàn thành toàn diện, đồng bộ quá trình chuyển đổi số... Để thực hiện các chỉ

tiêu này, dự thảo kế hoạch hành động thực hiện khâu đột phá đã đề ra 7 nhóm giải pháp lớn, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các ban, sở, ngành, địa phương trong chỉ đạo thực hiện. Tại Hội nghị nghe báo cáo dự thảo kế hoạch hành động thực hiện “Khâu đột phá đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn” tổ chức cuối tháng 5/2021, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa Nguyễn Văn Thi yêu cầu khắc phục những tồn tại, hạn chế trong giải quyết thủ tục hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã theo hướng “đơn giản, chính xác và nhanh chóng”, đồng thời xây dựng quy chế phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong giải quyết thủ tục hành chính nhằm phục vụ tốt nhất người dân, đặc biệt là doanh nghiệp.

Huyện Đông Sơn phấn đấu đến năm 2025 xóa bỏ hoàn toàn các chi phí không chính thức cho doanh nghiệp; 100% hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư được giải quyết đúng hạn; cung cấp dịch vụ công mức độ 3, 4 vượt 5% so với chỉ tiêu tỉnh giao; Chỉ số cải cách hành chính hàng năm nằm trong tốp xuất sắc của tỉnh; thành lập mới 350 doanh nghiệp... Quyết tâm hoàn thành các mục tiêu này, ngay từ năm đầu nhiệm kỳ, Ủy ban nhân dân huyện Đông Sơn đã chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị, các xã, thị trấn đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là hoàn thiện hệ thống cơ chế, tạo môi trường pháp lý thông thoáng, hấp dẫn để thu hút đầu tư. Tiếp tục rà soát, nghiên cứu, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp, đầu tư và tổng hợp những bất cập, vướng mắc để kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, các Bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung. Cùng với đó, huyện đổi mới công tác xúc tiến, thu hút đầu tư, đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng và tiến độ thực hiện các dự án trên địa bàn; tăng cường tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp và nhà đầu tư. Công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cũng được huyện đặc biệt chú trọng, nhất là việc đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ thẩm định các dự án đầu tư.

Để xây dựng nền hành chính hiện đại, Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Thủy đã sớm ban hành kế hoạch thực hiện khâu đột phá về cải cách hành chính giai đoạn 2020 - 2025. Trong năm 2021, huyện Cẩm Thủy phấn đấu 100% các cơ quan, đơn vị công khai, minh bạch quy chế làm việc, quy trình giải quyết công việc trong nội bộ cơ quan, đơn vị và quy trình giải quyết công việc với Nhân dân, tổ chức và doanh nghiệp; hoàn thành 100% các chỉ tiêu dịch vụ công mức độ 3 và 4 đã được phê duyệt. Năm 2022, 100% cán bộ, công chức, viên chức từ cấp huyện đến cấp xã có trình độ chuyên môn đáp ứng chuẩn theo quy định; 100% văn bản được trao đổi dưới dạng điện tử giữa các cơ quan Nhà nước (trừ văn bản mật). Đến năm 2025, 100% các phòng, ban, ngành cấp huyện ứng dụng phòng họp không giấy... Trưởng phòng Phòng Nội vụ huyện Cẩm Thủy Hoàng Trung Hải cho biết: “Để thực hiện tốt các mục tiêu đề ra, huyện Cẩm Thủy tăng cường rà soát các quy định về thủ tục hành chính theo hướng rút ngắn quy trình xử lý, giảm số lượng, đơn giản hóa nội dung hồ sơ, giảm thời gian và chi phí thực hiện, ưu tiên các thủ tục hành chính phục vụ khởi sự doanh nghiệp, các lĩnh vực về tài chính, đất đai, xây dựng, thuế và quản lý thị trường. Tiếp tục thực hiện việc đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính, chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, các xã, thị trấn bảo đảm nghiêm túc, hiệu quả. Đầu tư nâng cấp hệ thống mạng LAN và hệ thống máy tính,

bảo đảm mỗi xã, thị trấn có ít nhất 12 máy tính, trong đó có 1 máy kết nối thường xuyên với Ủy ban nhân dân huyện để truyền, nhận các văn bản qua mạng. Cùng với đó, huyện sẽ mở rộng các hình thức tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân để kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính”.

Thực hiện khâu đột phá về “Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn”, các sở, ngành và các địa phương trong tỉnh đã có những cách làm linh hoạt, sáng tạo. Tất cả hướng tới mục tiêu chung là xây dựng nền hành chính ngày càng hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, năng động; lấy tổ chức, người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, lấy sự hài lòng của tổ chức, người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng phục vụ, chất lượng điều hành của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh.

Nguồn: baothanhhoa.vn

THỪA THIÊN - HUẾ: ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ

Trong thời gian qua, tỉnh Thừa Thiên - Huế đã triển khai nhiều nhiệm vụ, giải pháp tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính

Với quan điểm quyết liệt trong công tác cải cách hành chính, tỉnh Thừa Thiên - Huế đã triển khai nhiều nhiệm vụ, giải pháp, trong đó có việc rút ngắn thời gian cho tổ chức, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính.

Theo đó, tỉnh đã rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính “Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật” từ 20 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc (tỷ lệ 30%).

Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính “Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh” từ 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc (tỷ lệ 25%). Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính “Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh đối với thẩm định dự án/dự án điều chỉnh” nhóm B từ không quá 30 ngày làm việc xuống 25 ngày làm việc (tỷ lệ 16,67%), nhóm C từ không quá 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc (tỷ lệ 25%).

Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính “Cấp phép xây dựng, bao gồm cấp phép xây dựng mới, cấp giấy phép xây dựng có thời hạn, giấy phép xây dựng điều chỉnh, giấy phép di dời công trình” từ không quá 20 ngày xuống còn không quá 7 ngày làm việc (tỷ lệ 65%), riêng đối với trường hợp cần xin ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan thì thời gian giải quyết được rút ngắn còn 12 ngày làm việc (tỷ lệ 40%)...

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên - Huế cho biết, nhờ tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính nên tính đến cuối

tháng 5/2021, trên địa bàn tỉnh có 479 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc đăng ký thành lập mới, với tổng số vốn đăng ký 2.021,6 tỷ đồng. Số doanh nghiệp hoạt động trở lại là 212 doanh nghiệp, tăng gấp 2 lần so với cùng kỳ năm trước.

Cũng theo Sở Kế hoạch và Đầu tư, trong 5 tháng đầu năm 2021, tỉnh Thừa Thiên - Huế đã cấp quyết định chủ trương đầu tư 9 dự án đầu tư trong nước, với vốn đăng ký khoảng 1.879,4 tỷ đồng; điều chỉnh tiến độ thực hiện cho 6 dự án và điều chỉnh tăng vốn đầu tư cho 6 dự án với số vốn điều chỉnh là 462 tỷ đồng. Công tác bổ sung danh mục dự án kêu gọi đầu tư và công bố thông tin dự án kêu gọi đầu tư được quan tâm. Đến nay, tỉnh đã xây dựng thông tin gần 200 dự án, trong đó, có 16 dự án được công bố thông tin chi tiết sẵn sàng kêu gọi đầu tư.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế Phan Ngọc Thọ cho biết: “Cùng với việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính, tỉnh cũng đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ như tập trung chỉ đạo, giải quyết vướng mắc trong việc bồi thường, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch. Đảm bảo không để xảy ra tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo gây ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp. Giảm tối đa số lần thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, kể cả thanh tra chuyên ngành”.

Đồng hành cùng doanh nghiệp

Tỉnh Thừa Thiên - Huế luôn xác định quan điểm chính quyền là người bạn đồng hành cùng doanh nghiệp vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất, kinh doanh, bứt phá vươn lên mạnh mẽ.

Theo ông Phan Ngọc Thọ, để cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút nhà đầu tư, doanh nghiệp đóng góp vào sự phát triển của tỉnh, thời gian tới, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế sẽ quyết liệt chỉ đạo, tập trung vào việc cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nhất là trong các lĩnh vực thuế, hải quan, đất đai, xây dựng, đăng ký kinh doanh... Tăng cường nghiên cứu, thực hiện các sáng kiến nhằm cắt giảm các thành phần hồ sơ mà doanh nghiệp phải nộp theo quy định, đặc biệt đối với thủ tục đăng ký hoạt động ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Bên cạnh đó, tỉnh Thừa Thiên - Huế vận hành hiệu quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, cấp huyện, mô hình một cửa hiện đại cấp xã. Duy trì vị trí dẫn đầu cả nước về chính quyền điện tử và về Chỉ số Cải cách hành chính của tỉnh. Thực hiện các giải pháp cải thiện vị trí thứ hạng Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), triển khai hiệu quả Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành và địa phương (DDCI).

Hoàn thiện quy chế hỗ trợ cấp thẻ điện tử thông tin doanh nghiệp cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thông qua việc nâng cấp hệ thống thông tin doanh nghiệp, hướng đến hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các dịch vụ công (cắt giảm những thành phần hồ sơ đã có trong dữ liệu thẻ). Tập trung hỗ trợ mặt bằng sản xuất, kinh doanh tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã có đơn vị kinh doanh hạ tầng, hỗ trợ nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các sàn thương mại điện tử.

Ông Phan Ngọc Thọ khẳng định: “Với sự tích cực và quyết liệt trong thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, ngày càng có nhiều nhà đầu tư tiềm năng tìm đến địa phương, góp phần đưa Thừa Thiên Huế phát triển”.

Nguồn: baodautu.vn

KHÁNH HÒA: NGÀNH THUẾ CÓ NHIỀU CHUYỂN BIẾN TRONG CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ngày 16/6, Tổ kiểm tra số 2 - Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh kiểm tra công tác cải cách hành chính tại Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa và Chi cục Thuế TP. Nha Trang.

Theo báo cáo của các đơn vị, thời gian qua, các thủ tục hành chính được công khai minh bạch, thời gian giải quyết các thủ tục hành chính thuế kịp thời, đúng quy trình. Việc hỗ trợ khai thuế qua mạng, nộp thuế điện tử giúp giảm thiểu nhiều thời gian và công sức cho người nộp thuế trong việc thực hiện khai thuế, nộp thuế hàng tháng. Tại cơ quan Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa, từ đầu năm đến ngày 31/5, việc sử dụng chữ ký số của cơ quan và lãnh đạo cơ quan trên văn bản điện tử đạt 80,5%, mức độ trao đổi văn bản điện tử giữa Cục Thuế các cơ quan nhà nước đạt tỷ lệ 40%. Số lượng thủ tục hành chính cấp tỉnh đang áp dụng được niêm yết là 166 thủ tục; trong đó, số thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3, 4 là 91, qua bưu chính công ích là 4. Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện trực tuyến ở mức độ 3, 4 (trừ các thủ tục hành chính giải quyết ngay) đạt 55,51%. Tại Chi cục Thuế TP. Nha Trang, đến nay, số người nộp thuế đang hoạt động do đơn vị quản lý thực hiện kê khai thuế qua mạng đạt 98%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4 được giải quyết đạt 100%...

Tổ kiểm tra ghi nhận các kết quả đạt được của hai đơn vị trong công tác cải cách hành chính, đóng góp chung vào Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Kết quả kiểm tra sẽ được tổ tổng hợp, có báo cáo sau khi kết thúc đợt kiểm tra tại các đơn vị, địa phương khác.

Nguồn: baokhanhhoa.vn

BÀ RỊA - VŨNG TÀU: NHÌN NHẬN RÕ HẠN CHẾ, THÚC ĐẨY CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Phát biểu tại Hội nghị chuyên đề về cải cách hành chính đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tổ chức vào ngày 12/6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Nguyễn Văn Thọ nhìn nhận, trong thời gian qua, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã nỗ lực thực hiện cải cách hành chính để nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền, phục

vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp. Các Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2020 đạt kết quả đáng khích lệ: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh xếp hạng 15 (tăng 1 hạng so với năm 2019), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh xếp hạng 11/63 tỉnh, thành phố... Tuy nhiên, công tác cải cách hành chính của tỉnh vẫn còn một số hạn chế. Trong đó, sự phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính nội bộ trong cơ quan, đơn vị, giữa các sở, ngành, địa phương thiếu chặt chẽ; chất lượng tham mưu hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính chưa cao, dẫn đến nhiều hồ sơ còn trễ hẹn.

Làm rõ thêm về tình trạng hồ sơ trễ hẹn, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Phan Khắc Duy cho biết, từ đầu năm đến ngày 10/6, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã tiếp nhận 44.442 hồ sơ thủ tục hành chính. Trung tâm đã chuyển 42.219 hồ sơ đến các sở, ngành giải quyết, trong đó, 41.519 hồ sơ giải quyết đúng hạn (đạt 98,5%), 600 hồ sơ trễ hẹn (chiếm 1,5 %). Trung tâm, đang giải quyết 2.223 hồ sơ, trong đó có 2.126 còn thời hạn và 90 quá hạn. Các hồ sơ trễ hạn, quá hạn nhiều tập trung ở các sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ. Nguyên nhân là do nhiều hồ sơ phải trả lại để bổ sung nhiều lần. Bên cạnh đó, sự phối hợp, phản hồi trong giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, địa phương còn chậm.

Theo đại diện Sở Nội vụ, qua các đợt kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra công vụ cho thấy, việc thực hiện mệnh lệnh hành chính cấp trên của một số sở, ngành, cơ quan, đơn vị chưa bảo đảm chất lượng và thời gian quy định. Một số công chức, viên chức còn lơ là, thiếu tập trung trong công tác phối hợp giải quyết thủ tục hành chính, dẫn đến chất lượng, tiến độ của văn bản phản hồi không đáp ứng yêu cầu. Về công khai, minh bạch, theo đánh giá của doanh nghiệp trong Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, các doanh nghiệp cho rằng, việc tiếp cận văn bản quy hoạch của tỉnh còn khó khăn, các tài liệu về ngân sách chưa đủ chi tiết để doanh nghiệp sử dụng cho hoạt động kinh doanh. Còn theo đánh giá của người dân trong Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, việc công khai thu, chi ngân sách các đơn vị chưa đầy đủ, kịp thời.

Từ các nguyên nhân trên, các đại biểu đã bàn sâu các giải pháp để nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính nhằm tạo sự hài lòng cho người dân và doanh nghiệp. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Nguyễn Văn Hải cho biết, 37 thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết và tham mưu giải quyết của Sở. Qua rà soát, Sở Tài nguyên và Môi trường đặt mục tiêu cắt giảm từ 10 - 50% thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai so với thời gian giải quyết theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Để đạt được các mục tiêu này, Sở sẽ đẩy mạnh thực hiện hiệu quả việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. “Bên cạnh đó, Sở đề xuất áp dụng thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính cho hộ gia đình và cá nhân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai. Việc làm này sẽ giảm được các bước trung gian, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân”, ông Hải phân tích.

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Lê Văn Lâm cho rằng, để nâng cao tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, các sở, ban, ngành, địa phương cần tăng cường công tác tuyên truyền, công khai, niêm yết các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên trang

thông tin điện tử, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Đồng thời, cần bố trí cán bộ, công chức, hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của người dân, doanh nghiệp đăng ký hồ sơ trực tuyến.

Trưởng phòng Phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ Nguyễn Thị Huệ đề xuất, cần nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác phối hợp giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời rà soát, điều chỉnh quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế. Các cơ quan, đơn vị cần tiếp tục rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, đặc biệt là các thủ tục hành chính liên quan đến thu hút đầu tư để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

Phát biểu chỉ đạo tại hội nghị, - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Nguyễn Văn Thọ yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương phải chú trọng nâng cao chất lượng, tiến độ trong chấp hành mệnh lệnh hành chính cấp trên để giải quyết kịp thời thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Chú trọng việc cung cấp và tăng cường công tác truyền thông bằng nhiều kênh về dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đến người dân, doanh nghiệp để tạo tiện ích, giảm chi phí phát sinh và thời gian đi lại cho người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, cần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác cải cách hành chính; đề ra kế hoạch, giải pháp, mục tiêu cụ thể để nâng cao các Chỉ số cải cách hành chính. Tiếp tục rà soát quy trình giải quyết thủ tục hành chính, đặt mục tiêu đến cuối năm 2021 các sở, ngành, đơn vị, địa phương cắt giảm 1/3 thời gian và tiếp tục cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính vào năm 2022.

Nguồn: baobariavungtau.com.vn

AN GIANG: THI ĐUA KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, TRIỂN KHAI CƠ CHẾ “MỘT CỬA LIÊN THÔNG”

Nhằm tổ chức phong trào thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2021, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn đẩy mạnh triển khai kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh trong thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

Trọng tâm là phát huy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các hoạt động rà soát quy định thủ tục hành chính nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, hoặc liên thông thực hiện thủ tục hành chính, góp phần thực hiện công cuộc cải cách thủ tục hành chính trong giai đoạn hiện nay. Qua đó, phát hiện kịp thời những cách làm hay, tác động tích cực đến mức độ hài lòng của người dân về chất lượng tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước.

Bám sát nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động kiểm soát T thủ tục hành chính trên cơ sở kế hoạch tổ chức và hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính của tỉnh. Đảm bảo thủ tục hành chính được cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp và trên môi trường điện tử (Công dịch vụ công trực tuyến) thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, địa phương được kiểm soát về nghiệp vụ. Từ đó, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Bằng những việc làm thiết thực, cụ thể, không hình thức, phô trương, lãng phí, cán bộ, công chức tích cực thi đua lập thành tích trong thực hiện thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính hoặc có sáng kiến cải cách thủ tục hành chính. Tiêu chí chấm điểm thi đua căn cứ vào 10 tiêu chí lớn: việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; kiểm soát các quy định thủ tục hành chính; công bố công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết hồ sơ; việc thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”; việc tiếp nhận, xử lý phản ánh của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh; sáng kiến trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; thực hiện tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ yêu cầu chứng thực điện tử; thực hiện đúng chế độ báo cáo về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

Phó Giám đốc Sở Nội vụ Trương Long Hồ cho biết, thời gian qua, tỉnh đẩy mạnh thực hiện cập nhật, công khai tiến độ giải quyết, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công của tỉnh An Giang, góp phần quan trọng trong cải cách thủ tục hành chính của tỉnh. Bước đột phá trong công tác cải cách thủ tục hành chính của tỉnh từ năm 2020 đến nay là triển khai cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” trong giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở các địa phương, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, được Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá cao.

Việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính thông qua cung cấp dịch vụ công trực tuyến được thực hiện thường xuyên, liên tục và đạt được nhiều kết quả tích cực. Đến nay, Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin “một cửa” điện tử cấp tỉnh được xây dựng tập trung tại tỉnh, đảm bảo kết nối liên thông tới 100% sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn. Hệ thống hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong tra cứu tình trạng hồ sơ cũng được thực hiện trực tuyến hoặc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở các địa phương.

Đặc biệt, việc thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công tỉnh và tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia để giải quyết các thủ tục hành chính đã được thực hiện thông qua môi trường mạng và dịch vụ bưu chính công ích, góp phần tiết kiệm chi phí và thời gian cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp.

Các sở, ban, ngành và địa phương cũng tích cực nghiên cứu, triển khai những giải pháp, mô hình hay trong công tác cải cách hành chính. Đặc biệt, việc thực hiện tiếp nhận, trả kết quả thủ tục hành chính qua đường bưu điện thông qua các mô hình sáng kiến trong cải tiến thủ tục hành chính ở các đơn vị, địa phương bước đầu mang lại hiệu quả tích cực. Qua đó, tạo

điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp khi đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thực hiện các thủ tục hành chính, được người dân đồng tình, đánh giá cao.

Với quyết tâm hướng tới xây dựng nền hành chính kiến tạo, phát triển với phương châm “Trách nhiệm - một cửa - thân thiện - hiệu lực - hiệu quả - đúng pháp luật - phù hợp lòng dân”, trong năm 2021, tỉnh An Giang tiếp tục xác định cải cách hành chính là một trong các khâu đột phá để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Nguồn: baoangiang.com.vn

CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG TRONG CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

Chính sách tiền lương là một trong các chính sách quan trọng trong an sinh xã hội, có liên quan trực tiếp đến đời sống hàng triệu người lao động. Thực hiện chính sách tiền lương đúng sẽ trở thành động lực phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, thực hiện tốt hơn công bằng xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong nền kinh tế thị trường, tiền lương là giá cả của sức lao động hình thành trên cơ sở thỏa thuận giữa người lao động với người sử dụng lao động, phù hợp với quan hệ cung - cầu sức lao động và tuân thủ với các quy định của pháp luật. Đối với khu vực sản xuất, kinh doanh, tiền lương liên quan trực tiếp đến thu nhập, mức sống, khả năng tái sản xuất sức lao động của người lao động và là nhân tố quan trọng cho sự thành công hay thất bại trong sản xuất kinh doanh của người sử dụng lao động. Đây là điểm hội tụ của những lợi ích trực tiếp và gián tiếp, trước mắt và lâu dài của người lao động và người sử dụng lao động. Mức lương cao hơn trên cơ sở nâng cao năng suất lao động không chỉ là mục đích mà còn là động lực phấn đấu của cả người lao động và người sử dụng lao động, nhờ đó góp phần vào phát triển kinh tế, xã hội đất nước, nâng cao đời sống nhân dân.

Thực hiện đường lối “Đổi mới” của Đảng chuyển đổi nền kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa làm thay đổi sâu sắc từ nhận thức đến hành động trên mọi lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực lao động - tiền lương. Dựa trên nguyên tắc coi tiền lương là cả sức lao động hình thành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, hệ thống chính sách, pháp luật về tiền lương được ban hành, bước đầu đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sử dụng lao động có hiệu quả hơn, người lao động có việc làm và tiền lương, thu nhập ổn định, cải thiện đời sống. Tuy nhiên, chính sách tiền lương trong thời gian qua vẫn còn những hạn chế nhất định như: hệ thống lương tối thiểu chưa thực sự phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động, mức lương tối thiểu chưa đạt mức sống tối thiểu, độ bao phủ còn thấp; thang lương, bảng lương, cơ chế trả lương chưa hoàn toàn theo nguyên tắc thị trường, trả lương chưa thực sự gắn với năng suất lao động và hiệu quả công việc; chưa có sự tách bạch giữa chức năng quản lý nhà nước với chức năng đại diện chủ sở hữu (vốn) về lao động, tiền lương trong doanh nghiệp nhà nước,... điều này tạo sự cạnh tranh chưa bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp.

Trước yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế và doanh nghiệp, nhất là trong điều kiện Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào kinh tế quốc tế, tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới,... đòi hỏi chính sách tiền lương trong khu vực sản xuất kinh doanh thời gian tới cần phải tiếp tục có những cải cách

nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn theo hướng thị trường có sự quản lý của nhà nước. Đây cũng chính là nhiệm vụ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang triển khai xây dựng các nội dung về cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018, Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/8/2018, Kế hoạch số 547-KH/BCSD ngày 12/9/2018 của Ban cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, Quyết định số 1477/QĐ-LĐTBXH ngày 25/10/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về kế hoạch triển khai thực hiện phân công của Chính phủ tại Nghị quyết số 107/NQ-CP.

1. Chính sách tiền lương hiện hành

1.1. Chính sách tiền lương chung đối với doanh nghiệp

Thứ nhất, Bộ luật Lao động năm 2012 và các Nghị định của Chính phủ quy định về chính sách tiền lương đối với người lao động trong các doanh nghiệp với nội dung cơ bản như sau:

Tiền lương được coi là khoản tiền để trả công lao động, được hình thành thông qua sự thương lượng, thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động trong hợp đồng lao động; tiền lương trả cho người lao động được căn cứ vào năng suất và kết quả lao động của người lao động.

Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng dựa trên khuyến nghị của Hội đồng Tiền lương quốc gia, đây là mức lương thấp nhất để bảo vệ lao động yếu thế và cũng là cơ sở để người lao động và người sử dụng lao động thương lượng, thỏa thuận tiền lương (doanh nghiệp không được trả thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định).

Doanh nghiệp được quyền tự chủ trong việc xây dựng thang lương, bảng lương (kể cả tiêu chuẩn, điều kiện xếp lương, nâng bậc lương), định mức lao động theo các nguyên tắc do Chính phủ quy định, quy định hình thức trả lương làm cơ sở để thỏa thuận tiền lương trong hợp đồng lao động và trả lương cho người lao động.

Doanh nghiệp có trách nhiệm trả lương cho người lao động trực tiếp, đầy đủ, đúng kỳ hạn theo quy định; trả lương cho người lao động khi làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, trả lương cho những ngày nghỉ lễ, tết, nghỉ phép năm, trả lương khi ngừng việc...

Nhà nước thực hiện chức năng quản lý tiền lương đối với doanh nghiệp thông qua việc ban hành tiêu chuẩn tiền lương; tuyên truyền, hướng dẫn; kiểm tra, giám sát thực hiện; cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ, kết nối doanh nghiệp và người lao động thương lượng tiền lương.

Thứ hai, căn cứ quy định của Bộ luật Lao động, doanh nghiệp và người lao động được tự chủ trong thương lượng, thỏa thuận tiền lương gắn với công việc, điều kiện làm việc và ghi trong hợp đồng lao động; tiền lương trả cho người lao động gắn với năng suất và kết quả (chất lượng) công việc đã thỏa thuận, bảo đảm mức lương trả cho người lao động làm công việc giản đơn nhất trong điều kiện lao động và thời giờ làm việc bình thường, hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ công bố.

1.2. Chính sách tiền lương đối với doanh nghiệp nhà nước

Căn cứ các kết luận của Trung ương, với tư cách là chủ sở hữu vốn nhà nước, Chính phủ tiếp tục hoàn thiện, đổi mới quản lý lao động, tiền lương đối với doanh nghiệp nhà nước thông qua việc ban hành Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 quy định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước. Nội dung cơ bản như sau:

Thứ nhất, đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Về quản lý lao động, doanh nghiệp tiếp tục được tự chủ tuyển dụng, sử dụng lao động theo quy định của pháp luật lao động, nhưng quy định rõ trách nhiệm rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy tinh gọn và hợp lý; thắt chặt hơn định mức lao động bảo đảm không chênh lệch quá 5% so với lao động thực tế sử dụng; thẩm quyền, trách nhiệm trong tuyển dụng, sử dụng lao động; chế tài xử lý đối với trường hợp tuyển dụng vượt quá kế hoạch hoặc không đúng kế hoạch, dẫn đến người lao động không có việc làm, phải chấm dứt hợp đồng lao động như: không được thưởng, không được tăng lương, kéo dài thời gian nâng lương, giảm lương và coi đây là một nội dung đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/01/2015 của Chính phủ.

Giao cho doanh nghiệp tự chủ xây dựng thang lương, bảng lương đối với người lao động theo nguyên tắc do Nhà nước quy định theo quy định của Bộ luật Lao động làm cơ sở để ký kết hợp đồng lao động, xếp lương, trả lương đối với người lao động (tương tự như doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp FDI); xác định, quyết định quỹ tiền lương và trả lương cho người lao động; xác định quỹ tiền lương đối với người quản lý doanh nghiệp, báo cáo chủ sở hữu phê duyệt trước khi chi trả cho người quản lý gắn với kết quả quản lý điều hành doanh nghiệp.

Quy định quản lý tiền lương đối với người lao động gắn chặt hơn với năng suất lao động và hiệu quả sản xuất, kinh doanh, trong đó tiền lương được hưởng dựa trên tiền lương bình quân thực hiện của năm trước (thay cho định mức lao động, đơn giá tiền lương) gắn với mức tăng năng suất lao động và lợi nhuận theo nguyên tắc: năng suất lao động, lợi nhuận tăng thì tiền lương tăng; năng suất lao động, lợi nhuận giảm thì tiền lương giảm so với năm trước.

Quy định tiền lương của người quản lý được xác định gắn với quy mô, mức độ phức tạp của quản lý (hạng doanh nghiệp) tương ứng với mức lương cơ bản (tối đa của chủ tịch tập đoàn kinh tế là 36 triệu đồng/tháng) và hệ số điều chỉnh tăng thêm gắn với hiệu quả sản xuất, kinh doanh, nhưng mở rộng hệ số tăng thêm tối đa 1,0 lần mức lương cơ bản áp dụng đối với doanh nghiệp có quy mô lớn, hiệu quả cao (đảm bảo quy định thì chủ tịch tập đoàn có thể đạt 72 triệu đồng/tháng). Đồng thời, để khuyến khích doanh nghiệp làm ăn hiệu quả, lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì được hưởng thêm: cứ tăng 1% lợi nhuận so với kế hoạch thì được

bổ sung thêm 1% tiền lương, nhưng tối đa không quá 20% tiền lương kế hoạch (đạt đủ điều kiện thì chủ tịch tập đoàn kinh tế có thể đạt 86,4 triệu đồng/tháng).

Thứ hai, đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước

Nhà nước quy định nguyên tắc để người đại diện vốn của nhà nước tham gia, biểu quyết trong Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong công ty, như tiền lương, thù lao, tiền thưởng phải gắn với năng suất lao động và hiệu quả sản xuất, kinh doanh; việc quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng được thông qua cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước chỉ đạo Người đại diện vốn nhà nước, không can thiệp trực tiếp đến tiền lương, tiền thưởng của công ty.

Quy định quản lý lao động, tiền lương đối với người lao động, trong đó công ty được quyền tự chủ tuyển dụng, sử dụng lao động; xác định quỹ tiền lương (kế hoạch và thực hiện) phải gắn với năng suất lao động, mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (lợi nhuận) và đảm bảo mức tăng tiền lương bình quân phải thấp hơn mức tăng năng suất lao động bình quân.

Quy định tiền lương đối với người quản lý công ty gắn với bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, với cổ đông; với người lao động trong đó: Đối với người quản lý công ty là người đại diện phần vốn nhà nước thì nhà nước quy định mức tiền lương tối đa gắn với quy mô lợi nhuận dưới 50 tỷ đồng không quá 36 triệu đồng/tháng (gọi là mức lương cơ bản); lợi nhuận từ 1.500 tỷ đồng trở lên không quá 3,5 lần mức lương cơ bản (tương đương 126 triệu đồng/tháng). Đối với người quản lý không phải là người đại diện vốn nhà nước thì tiền lương do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở vị trí công việc, bảo đảm cân đối với chức danh tương tự trên thị trường và tiền lương của người đại diện vốn nhà nước tại công ty.

Đồng thời, để khuyến khích người quản lý, Chính phủ quy định nguyên tắc xác định tiền lương tăng thêm gắn với mức độ hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận: nếu lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch thì cứ vượt 1% lợi nhuận, người quản lý công ty được tính thêm 2% tiền lương, nhưng tối đa không quá 20% mức tiền lương bình quân kế hoạch (theo quy định này người quản lý có thể đạt 151,2 triệu đồng/tháng).

Quy định chế độ tiền thưởng căn cứ lợi nhuận hàng năm sau khi hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm với Nhà nước, cổ đông, người lao động: Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động, tối đa không quá 03 tháng tiền lương thực hiện (Nếu lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì được trích thêm tối đa 20% phần lợi nhuận vượt nhưng không quá 3 tháng lương thực hiện). Đối với người quản lý: quỹ tiền thưởng không quá 1,5 tháng tiền lương thực hiện.

Quy định trách nhiệm của người đại diện vốn nhà nước trong việc xin ý kiến của chủ sở hữu, thực hiện ý kiến chỉ đạo của chủ sở hữu trong việc triển khai thực hiện các quy định của nhà nước khi xác định, biểu quyết về tiền lương, tiền thưởng trong công ty cổ phần có vốn góp chi phối của nhà nước.

2. Yêu cầu đổi mới, hoàn thiện chính sách tiền lương

2.1. Quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến chính sách tiền lương trong các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương Năm khóa XII

Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa: Có cơ chế, chính sách khuyến khích thành lập doanh nghiệp tư nhân; Khuyến khích hộ kinh doanh mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp. Xoá bỏ các rào cản, chính sách, các biện pháp hành chính can thiệp trực tiếp vào thị trường và sản xuất kinh doanh tạo ra bất bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực xã hội, trọng tâm là vốn và đất đai, cơ hội kinh doanh. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, trách nhiệm giải trình của các Bộ, ngành, địa phương đối với việc chấp hành chủ trương phát triển kinh tế tư nhân.

Nghị quyết số 11-NQ/TW về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế; xác định rõ và thực hiện đúng vị trí, vai trò, chức năng và mối quan hệ của Nhà nước, thị trường và xã hội phù hợp với kinh tế thị trường; xoá bỏ các cơ chế can thiệp hành chính trực tiếp, bao cấp của Nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác; Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế; tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng; điều tiết nền kinh tế. Đẩy mạnh cải cách chế độ tiền lương, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng năng suất lao động và tăng tiền lương, lấy tăng năng suất lao động làm cơ sở để tăng tiền lương; hình thành cơ chế tiền lương theo nguyên tắc thị trường; bảo đảm hài hoà lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động. Phát huy vai trò của tổ chức công đoàn ở doanh nghiệp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

Nghị quyết số 12-NQ/TW về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới, và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước: Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc cổ phần, vốn góp chi phối; hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp khác. Tách bạch nhiệm vụ của doanh nghiệp nhà nước sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thông thường và nhiệm vụ của doanh nghiệp nhà nước sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích; tách bạch, phân định rõ chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước với chức năng quản lý nhà nước, chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Giải quyết tốt việc sắp xếp, bố trí, sử dụng, đào tạo, chuyển đổi nghề và xử lý lao động dôi dư. Bảo đảm đầy đủ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của người lao động, đặc biệt là lao động dôi dư. Xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các chức danh quản lý trong hệ thống quản trị của doanh nghiệp nhà nước; bảo đảm trách nhiệm đi đôi với quyền hạn; Tổng giám đốc và các thành viên ban điều hành được bổ nhiệm, thuê và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và hợp đồng lao động. Thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, thù lao của người lao động và người quản lý doanh nghiệp nhà nước phù hợp với cơ chế thị trường, có tính cạnh tranh cao trên cơ sở kết quả sản xuất, kinh doanh. Nghiên cứu,

triển khai cơ chế trả lương, thưởng theo thỏa thuận đối với tổng giám đốc và một số chức danh quản lý chủ chốt của doanh nghiệp. Thực hiện việc tách người quản lý doanh nghiệp nhà nước khỏi chế độ viên chức, công chức. Triển khai rộng rãi cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm qua thi tuyển cạnh tranh, công khai, minh bạch đối với tất cả các chức danh quản lý, điều hành và các vị trí công việc khác trong doanh nghiệp.

Nghị quyết số 27-NQ/TW về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp: Cải cách chính sách tiền lương phải bảo đảm tính tổng thể, hệ thống, đồng bộ, kế thừa và phát huy những ưu điểm, khắc phục có hiệu quả những hạn chế, bất cập của chính sách tiền lương hiện hành; tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật khách quan của kinh tế thị trường, lấy tăng năng suất lao động là cơ sở để tăng lương; đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; có lộ trình phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và nguồn lực của đất nước. Trong khu vực doanh nghiệp, tiền lương là giá cả sức lao động, hình thành trên cơ sở thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Nhà nước quy định tiền lương tối thiểu là mức sàn thấp nhất để bảo vệ người lao động yếu thế, đồng thời là một trong những căn cứ để thỏa thuận tiền lương và điều tiết thị trường lao động. Phân phối tiền lương dựa trên kết quả lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo đảm mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp.

2.2. Một số vấn đề đặt ra đối với chính sách tiền lương hiện hành

Nhìn chung, chính sách tiền lương đối với khu vực sản xuất kinh doanh hiện nay đã được đổi mới, hoàn thiện theo nguyên tắc thị trường và phù hợp với yêu cầu thực tiễn, trên cơ sở tôn trọng quyền tự chủ của doanh nghiệp và người lao động trong thỏa thuận, định đoạt tiền lương. Nhà nước đã thực hiện đúng vai trò quản lý tiền lương (chủ yếu thông qua quy định mức lương tối thiểu, hỗ trợ thương lượng, kiểm tra, giám sát, điều tiết thị trường) theo cơ chế thị trường. Tuy vậy, căn cứ quan điểm, yêu cầu của Nghị quyết của Hội nghị Trung ương Năm, khóa XII thì chính sách tiền lương hiện nay còn một số nội dung bất cập, cần tiếp tục hoàn thiện cụ thể:

Về chính sách tiền lương chung đối với doanh nghiệp, phạm vi điều chỉnh của mức lương tối thiểu chỉ áp dụng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động nên còn hạn hẹp, dẫn đến việc bảo vệ người lao động còn hạn chế. Bên cạnh đó, hiện nay Chính phủ mới quy định tiền lương tối thiểu theo tháng, chưa quy định được mức lương tối thiểu theo giờ nên không bảo vệ được người làm công việc không thường xuyên, lao động làm việc không trọn thời gian đang có xu hướng phổ biến trên thị trường hiện nay; các yếu tố xác định, điều chỉnh mức lương tối thiểu chưa cụ thể, bao quát đầy đủ đặc điểm của thị trường lao động, sản xuất kinh doanh, nhất là trong điều kiện tạo cơ hội cho các doanh nghiệp tư nhân (chủ yếu doanh nghiệp nhỏ và vừa) hình thành và phát triển.

Việc Chính phủ quy định các nguyên tắc xây dựng thang, bảng lương, nhất là quy định thang, bảng lương phải bảo đảm khoảng cách bậc ít nhất 5% chỉ phù hợp với giai đoạn đầu nhằm hạn chế tình trạng ép lương của người lao động. Đến nay, quy định này không còn phù hợp, vì vô hình chung đã can thiệp trực tiếp đến thang, bảng lương của doanh nghiệp, khuyến

khích doanh nghiệp trả lương theo thâm niên, không khuyến khích trả lương theo năng suất lao động. Người làm nhiều, năng suất cao không được hưởng lương cao tương xứng. Đồng thời, đã làm triệt tiêu động lực thương lượng của 2 bên để có tiền lương cao hơn, không thúc đẩy xây dựng chính sách tiền lương gắn với năng suất lao động, nâng cao năng suất lao động để nâng cao tiền lương, tạo động lực thúc đẩy sản xuất phát triển.

Vấn đề thương lượng tiền lương giữa người lao động và người sử dụng lao động nhìn chung chưa phát huy được tác dụng, kém hiệu quả, tranh chấp lao động về tiền lương còn phổ biến. Trong bối cảnh hiện nay sức ép việc làm còn rất lớn, năng lực thỏa thuận của người lao động hạn chế, thông tin tiền lương còn thiếu, công tác hướng dẫn, tuyên truyền chưa đầy đủ, công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát chưa thường xuyên dẫn đến thương lượng tiền lương vẫn chủ yếu đối với lao động quản lý và lao động chuyên môn, kỹ thuật cao. Đối với lao động khác thì tiền lương do doanh nghiệp ấn định gắn với mức lương tối thiểu hoặc cao hơn không đáng kể, người lao động thường chấp nhận mức lương thấp, phải làm thêm giờ để tăng thêm thu nhập, đời sống của một bộ phận người lao động khó khăn là nguyên nhân chính của các cuộc tranh chấp lao động.

Về chính sách tiền lương đối với doanh nghiệp nhà nước, chính sách quản lý lao động chưa quy định rõ trách nhiệm cá nhân của Tổng giám đốc (Giám đốc), Hội đồng thành viên trong tuyển dụng, sử dụng lao động, trách nhiệm kiểm tra, giám sát của chủ sở hữu dẫn đến nhiều trường hợp tuyển dụng lao động chưa thực sự xuất phát từ yêu cầu công việc, gắn với vị trí việc làm, số lượng lao động nhiều, chất lượng lao động chưa đáp ứng được yêu cầu dẫn đến số lao động thừa thãi khi tái cơ cấu ngày càng nhiều Nhà nước vẫn phải tiếp tục sắp xếp, tái cơ cấu lao động và giải quyết lao động dôi dư.

Tiền lương của người lao động được xác định trên tiêu chí, nguyên tắc chung (gắn với năng suất lao động, lợi nhuận), chưa phân biệt được yếu tố lợi thế ngành nghề, yếu tố nguồn lực nhà nước đầu tư cho doanh nghiệp, dẫn đến tiền lương của người lao động vẫn có sự chênh lệch khá lớn giữa các doanh nghiệp ở ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác nhau, hưởng mức lương cao (gấp 2 - 3 lần bình quân chung) nhưng không hoàn toàn do năng suất lao động tạo ra.

Tiền lương, tiền thưởng đối với viên chức quản lý mặc dù đã được điều chỉnh một bước, nhưng nhìn chung vẫn còn thấp (chỉ bằng khoảng 50%) so với các chức danh quản lý tương đương trên thị trường nên chưa tạo được động lực cho những người quản lý giỏi, doanh nghiệp có hiệu quả cao theo chủ trương “Nhà nước có cơ chế khuyến khích thỏa đáng về vật chất, tinh thần đối với cán bộ quản lý doanh nghiệp căn cứ vào mức độ đóng góp vào kết quả hoạt động của doanh nghiệp”, dẫn đến khó thực hiện được chủ trương thuê Tổng giám đốc, Giám đốc. Một số trường hợp doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả, thậm chí thua lỗ nhưng đưa ra nhiều lý do khách quan, viên chức quản lý vẫn hưởng mức lương cao (vài chục triệu đồng/tháng) gây bức xúc dư luận.

Chưa tách bạch giữa tiền lương, tiền thưởng của đại diện chủ sở hữu (Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên do đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm để giúp chủ sở hữu giám sát doanh nghiệp) với ban quản lý điều hành (Ban Giám đốc), dẫn đến Hội đồng thành viên, Kiểm soát

viên vẫn hưởng lương chung với Ban giám đốc và chủ yếu đứng về phía doanh nghiệp, do doanh nghiệp chi trả, làm giảm tính khách quan, độc lập và hiệu quả trong giám sát, chỉ đạo doanh nghiệp.

Chính sách tiền lương quy định phân biệt giữa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có cổ phần chi phối của nhà nước, trong đó tiền lương của người quản lý doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chỉ bằng 50 - 60% so với doanh nghiệp có cổ phần chi phối của nhà nước có cùng quy mô, hiệu quả, tạo sự mất cân đối trong chính sách (quy định này cần được điều chỉnh cho phù hợp với Nghị quyết số 12-NQ/W coi doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc cổ phần, vốn góp chi phối).

Quản trị lao động trong nội bộ doanh nghiệp còn yếu, tổ chức sắp xếp lao động chưa khoa học, tiền lương chưa theo vị trí công việc, còn bình quân, trả cho lao động có trình độ thấp cao hơn trên thị trường, ngược lại trả cho lao động kỹ thuật cao thấp hơn so với thị trường, dẫn đến chưa khuyến khích được lao động giỏi, đóng góp nhiều cho doanh nghiệp, chuyển dịch lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao sang khu vực doanh nghiệp khác, trong khi lao động trình độ thấp vẫn cố gắng bám vào doanh nghiệp nhà nước khó khăn cho việc tái cơ cấu lao động.

3. Định hướng hoàn thiện, cải cách chính sách tiền lương

Để tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chính sách tiền lương đối với khu vực sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của Nghị quyết của Hội nghị Trung ương Bảy khóa XII, trong đó cải cách chính sách tiền lương đối với người lao động trong doanh nghiệp trên một số nội dung cơ bản như sau:

Thứ nhất, tiếp tục khẳng định tiền lương trong khu vực doanh nghiệp là giá cả sức lao động, hình thành trên cơ sở thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động theo quy luật của thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Phân phối tiền lương dựa trên kết quả lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo đảm mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp.

Thứ hai, hoàn thiện chính sách về tiền lương tối thiểu cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, hội nhập khu vực và quốc tế, trong đó quy định mức lương tối thiểu theo giờ nhằm nâng cao độ bao phủ của tiền lương tối thiểu và đáp ứng tính linh hoạt của thị trường lao động; xác định và điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động, đặt trong mối quan hệ với các yếu tố của thị trường lao động và phát triển kinh tế - xã hội (cung cầu lao động, tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số giá tiêu dùng, năng suất lao động, việc làm, thất nghiệp, khả năng chi trả của doanh nghiệp...).

Thứ ba, giảm dần, tiến tới xóa bỏ sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước để các doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp 100% vốn nhà nước) được tự chủ quyết định chính sách tiền lương (trong đó có thang, bảng lương, định mức lao động) và trả lương phù hợp với tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, khả năng của doanh nghiệp và công khai tại nơi làm việc để người lao động, công đoàn giám sát. Nhà nước tăng cường hỗ trợ cung cấp thông tin thị trường lao động để doanh nghiệp và người lao động thương lượng, thỏa thuận tiền lương, ký hợp đồng lao động và trả lương gắn với năng suất và kết quả lao động. Doanh nghiệp và tổ chức đại

diện người lao động tham gia thương lượng, thỏa thuận tiền lương, tiền thưởng, các chế độ khuyến khích khác trong thỏa ước lao động tập thể hoặc trong quy chế của doanh nghiệp.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế thỏa thuận về tiền lương trong doanh nghiệp thông qua việc thiết lập cơ chế đối thoại, thương lượng và thỏa thuận giữa các chủ thể trong quan hệ lao động theo hướng công khai, minh bạch, dân chủ, đảm bảo hài hòa lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động, tạo sự đồng thuận cao; tăng cường vai trò và năng lực của tổ chức đại diện của người lao động trong quan hệ lao động phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Thứ năm, đổi mới, hoàn thiện chính sách tiền lương đối với doanh nghiệp nhà nước (quy định chung đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và công ty cổ phần, vốn góp chi phối theo tinh thần Nghị quyết số 12-NQ/TW), trong đó:

Giao quyền cho doanh nghiệp 100% vốn nhà nước xây dựng bảng lương, mức lương đối với người quản lý doanh nghiệp, bảo đảm cân đối hợp lý với mức lương của người lao động trong nội bộ từng doanh nghiệp (hiện nay người quản lý đang xếp lương theo bảng lương do Chính phủ ban hành trong mối tương quan với tiền lương của cán bộ, công chức nhà nước).

Nhà nước quy định nguyên tắc chung để xác định tiền lương và tiền thưởng gắn với năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh, hướng đến bảo đảm mặt bằng tiền lương trên thị trường. Thực hiện giao khoán chi phí tiền lương (bao gồm cả tiền thưởng trong quỹ lương) gắn với chỉ tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh, ngành nghề, tính chất hoạt động của doanh nghiệp; từng bước tiến tới thực hiện giao khoán chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh gắn với kết quả và hiệu quả quản lý và sử dụng vốn nhà nước của doanh nghiệp.

Tách bạch tiền lương của người đại diện vốn nhà nước (Hội đồng thành viên, kiểm soát viên) với tiền lương của Ban điều hành; thực hiện nguyên tắc ai thuê, bổ nhiệm thì người đó đánh giá và trả lương.

Nhà nước quy định mức lương cơ bản (theo năm) gắn với quy mô (độ phức tạp của quản lý) và hiệu quả sử dụng vốn nhà nước đối với Người đại diện vốn nhà nước. Mức lương cơ bản được điều chỉnh phù hợp theo mức lương của thị trường trong nước và khu vực. Từng bước tiến tới thuê Hội đồng thành viên độc lập và trả lương cho Hội đồng thành viên, kiểm soát viên từ lợi nhuận sau thuế. Ban điều hành làm việc theo chế độ hợp đồng lao động và hưởng lương trong quỹ lương chung của doanh nghiệp, trong đó có không chế mức lương tối đa theo kết quả sản xuất kinh doanh và mức tiền lương bình quân chung của người lao động.

Đối với doanh nghiệp làm nhiệm vụ bình ổn thị trường theo nhiệm vụ được Nhà nước giao thì tính toán, xác định để loại trừ làm cơ sở xác định tiền lương, tiền thưởng của người lao động và người quản lý doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp dịch vụ công ích, Nhà nước tính đủ chi phí tiền lương phù hợp với mặt bằng thị trường vào chi phí, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích.

Thứ sáu, tổ chức tốt các hoạt động cung cấp dịch vụ công: để chính sách tiền lương khu vực sản xuất kinh doanh được thực thi có hiệu quả cần thiết phải tổ chức và phát triển các

hoạt động cung cấp dịch vụ công, nhất là dịch vụ thông tin thị trường lao động, dạy nghề, tư vấn và giới thiệu việc làm; dịch vụ hỗ trợ phát triển quan hệ lao động trong doanh nghiệp; dịch vụ theo dõi, giám sát, phân tích và dự báo xu hướng tiền lương trên thị trường; dịch vụ về an sinh xã hội và phúc lợi xã hội...

Thứ bảy, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát về phân phối tiền lương và thu nhập trong doanh nghiệp. Một mặt, đảm bảo cho thị trường lao động hoạt động khách quan theo đúng nguyên tắc của thị trường; tiền lương, tiền công phải do thị trường quyết định. Mặt khác, phải đảm bảo cho thị trường phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa; tiền lương, tiền công phải thực sự được phân phối công bằng.

Nguồn: Báo cáo chuyên đề của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ

“ĐỀ” THÊM RỒI... “CẮT GIẢM”: NHIỀU DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP BỨC XÚC VÌ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BẤT HỢP LÝ

Nhiều hiệp hội cho rằng một số cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã “đề” thêm thủ tục rồi cắt giảm để báo cáo thành tích...

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẳng định đã nỗ lực cắt giảm thủ tục kinh doanh để tạo thông thoáng cho doanh nghiệp, thế nhưng lại đang bị các doanh nghiệp và nhiều hiệp hội kêu ca về sự bất hợp lý trong nhiều thủ tục hành chính, gây tốn thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

Thậm chí, nhiều hiệp hội cho rằng một số cơ quan thuộc Bộ đã “đề” thêm thủ tục rồi cắt giảm để báo cáo thành tích.

Trong khi đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết, những năm qua Bộ này đã nỗ lực thực hiện xây dựng thể chế; cải cách hành chính mà trọng tâm là cắt giảm thủ tục hành chính, kiểm tra chuyên ngành, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo sự chuyển biến tích cực trong giải quyết thủ tục; góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành, sản phẩm.

Doanh nghiệp thức ăn chăn nuôi bức xúc

Giữa tháng 5/2021, Hiệp hội Sản xuất và kinh doanh thuốc thú y Việt Nam gửi Công văn đến Cục Chăn nuôi, kiến nghị dừng yêu cầu thực hiện hợp quy đối với sản phẩm thức ăn chăn nuôi.

Theo đó, Thông tư số 04/2020/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa ra quy định, trước khi lưu thông trên thị trường, tổ chức, cá nhân kinh doanh thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản trên lãnh thổ Việt Nam phải công bố hợp quy đối với thức ăn chăn nuôi thương mại, nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản. Thời gian bắt buộc phải thực hiện hợp quy sẽ bắt đầu từ 01/7/2021.

Chủ tịch Hiệp hội Sản xuất và kinh doanh thuốc thú y Việt Nam Hoàng Triều cho rằng, hiện đã có nhiều quy định đảm bảo chất lượng thức ăn chăn nuôi. Khi đăng ký lưu hành, sản phẩm thức ăn chăn nuôi đã được kiểm nghiệm tại phòng thí nghiệm được chỉ định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Bên cạnh đó, tất cả thức ăn chăn nuôi sản xuất trong nước đều được sản xuất tại nhà máy đủ điều kiện do Cục Chăn nuôi cấp và đánh giá giám sát định kỳ. Đối với sản phẩm nhập khẩu, phải có GMP, HACCP, FAMI-QS hoặc ISO. Khi nhập về phải kiểm tra chất lượng thông quan.

Ngoài ra, sản phẩm bảo quản trong kho cũng như lưu hành trên thị trường đều được các cơ quan chuyên ngành như: Chi cục Chăn nuôi và thú y địa phương, Chi cục Quản lý thị trường, thanh tra liên ngành... thường xuyên thực hiện kiểm soát chất lượng.

Theo Hiệp hội Sản xuất và kinh doanh thuốc thú y Việt Nam, thế giới không có hợp quy thức ăn chăn nuôi. Còn đối với công bố hợp quy an toàn thực phẩm, hiện Bộ Y tế cũng đã bãi bỏ.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Dabaco Việt Nam Nguyễn Như So chia sẻ: “Khi chúng tôi làm việc nhiều với cơ quan hải quan, họ bảo không hiểu ngành Nông nghiệp quy định nhập khẩu thức ăn chăn nuôi thế nào mà mất nhiều thời gian thế, suốt ngày nợ hồ sơ nhập khẩu, trong khi bên y tế phụ trách thực phẩm cho người cũng không quy định khắt khe đến vậy. Nhà sản xuất đối tác không hiểu tại sao Việt Nam quy định hợp quy để làm gì, trong khi đó họ có đầy đủ giấy tờ chứng nhận, tiêu chuẩn quốc tế như GMP, HACCP, FAMI-QS hoặc ISO và CFS”.

“Chất lượng sản phẩm thức ăn chăn nuôi không phụ thuộc vào cái tem nhãn hợp quy đó nên kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ thủ tục hợp quy sớm ngày nào tốt ngày đó để giảm bớt gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp, đồng thời phù hợp với chủ trương của Nhà nước về việc cắt giảm thủ tục, chi phí hành chính, tạo môi trường lành mạnh cho doanh nghiệp phát triển” ông So kiến nghị.

Theo Chủ tịch Hiệp hội Chăn nuôi gia cầm Việt Nam Nguyễn Thanh Sơn việc thực hiện công bố hợp quy sẽ gây lãng phí thời gian, nhân lực đối với doanh nghiệp do phải thực hiện nhiều thủ tục hành chính trùng lặp, phức tạp, làm tăng chi phí sản xuất như chi phí kiểm nghiệm, chi phí in lại bao bì, nhãn mác, thay trực lô...

"Đây là một trong những nguyên nhân làm tăng giá thành sản phẩm thức ăn chăn nuôi trước bối cảnh bệnh dịch hoành hành, giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi tăng cao", ông Sơn bức xúc.

Quyền Cục trưởng Cục Chăn nuôi Dương Tất Thắng cho biết, đã nhận được Công văn kiến nghị của Hiệp hội Sản xuất và kinh doanh thuốc thú y Việt Nam. Từ ngày 01/7 tới là thời điểm bắt buộc các doanh nghiệp hoàn thành thủ tục hợp quy thức ăn chăn nuôi.

Riêng QCVN 01:190 đối với thức ăn bổ sung đã có hiệu lực từ 01/7/2020. Thông tư số 04/2020/TT-BNNPTNT là cụ thể hóa những quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP. Cục Chăn nuôi cũng đã nhận thấy một số bất cập nêu trên, nhất là bất cập về quy định lô thức ăn nhập khẩu được miễn giảm kiểm tra nhưng vẫn phải công bố hợp quy.

“Trong thời gian tới, Cục Chăn nuôi tiếp tục lắng nghe góp ý của doanh nghiệp, hiệp hội và người chăn nuôi để tổng hợp đầy đủ, toàn diện những khó khăn, vướng mắc, bất cập liên quan đến quản lý thức ăn chăn nuôi nói chung và công bố hợp quy thức ăn nói riêng để báo cáo, đề xuất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền liên quan sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan”, ông Thắng cho biết.

Phía sau những con số cắt giảm thủ tục

Theo báo cáo năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong 5 năm qua, Bộ đã triển khai đúng tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia theo Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Bộ đã rà soát, bãi bỏ, cắt giảm thủ tục hành chính và các điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục kiểm tra chuyên ngành; coi đây là một khâu đột phá thúc đẩy tăng trưởng, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã bãi bỏ, sửa đổi theo hướng đơn giản hóa 251 điều kiện kinh doanh, trong đó bãi bỏ 115 điều kiện kinh doanh, sửa đổi 136 điều kiện kinh doanh; thực hiện rà soát, cắt giảm tối đa hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành...

Thế nhưng, trái với những nhận định, khẳng định từ phía Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, ngày càng nhiều doanh nghiệp, hiệp hội cho rằng việc cắt giảm thủ tục chính của Bộ chỉ làm theo kiểu nửa vời, cắt chỗ này lại cho “mọc” thêm chỗ khác.

Phó Tổng thư ký Hiệp hội Xuất khẩu và chế biến thủy sản Việt Nam (VASEP) Nguyễn Hoài Nam nêu vấn đề, nếu áp dụng đúng theo Luật An toàn vệ sinh thực phẩm, thủy sản nhập khẩu về sơ chế, chế biến cho mục đích xuất khẩu sẽ được miễn kiểm tra.

Thế nhưng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không áp dụng các tiêu chuẩn đó mà áp dụng quy định kiểm dịch, tức là 100% lô hàng phải kiểm tra. VASEP đã nhiều năm kiến nghị lên Cục Thú y và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không thực hiện kiểm dịch đối với thủy sản đông lạnh hoặc đã qua chế biến.

“Sau nhiều năm bị doanh nghiệp phản ứng, đến nay Bộ vẫn không bỏ quy định kiểm dịch, mà thay vào đó chỉ là cắt giảm một số mã hàng hóa trong danh mục này. Vừa rồi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa ra con số: đã cắt giảm 160 mã hàng hóa trong tổng số 450 mã hàng hóa thủy sản so với trước, thì nhiều doanh nghiệp thủy sản cho rằng chính Bộ đã “đề” thêm thủ tục rồi cắt giảm để báo cáo thành tích”, ông Nam phàn nàn.

Hiện 80 - 85% thủy sản nhập khẩu vào Việt Nam hàng năm là các sản phẩm để sản xuất và gia công hàng xuất khẩu. Theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP về an toàn thực phẩm thì nhóm hàng này được miễn kiểm tra. Nhưng các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lại đưa nhóm hàng này vào danh mục kiểm dịch nên sẽ không được áp dụng theo Thông tư số 15/2018/TT-BNNPTNT an toàn thực phẩm nữa mà sẽ áp dụng theo các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

VASEP cho rằng cùng với việc ban hành các Thông tư sửa đổi bổ sung về hướng dẫn kiểm dịch thủy sản, “danh mục hàng thủy sản” nhập khẩu phải kiểm dịch ngày càng mở rộng mà không có bất cứ sự thay đổi nào về cơ sở pháp lý hoặc báo cáo nguy cơ, thông lệ quốc tế hay thông tin dịch bệnh.

“Việc kiểm dịch các động vật và sản phẩm động vật sống, tươi, ướp hoặc không ướp đá là cần thiết vì đây là các đối tượng có nguy cơ mang theo các mầm bệnh lây lan ra môi trường và là tác nhân có thể gây bệnh cho vật nuôi. Nhưng mở rộng các đối tượng/danh mục “hàng chế biến” phải kiểm dịch là biện pháp quá mức và không cần thiết, chưa phù hợp với chủ trương cắt giảm danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành, với quy định pháp luật cũng như thông lệ quốc tế”, ông Nguyễn Hoài Nam khẳng định.

Nguồn: vneconomy.vn

THÁO MỞ CÁC RÀO CẢN, GIÚP TP. HỒ CHÍ MINH BUNG SỨC PHÁT TRIỂN

TP. Hồ Chí Minh chọn chủ đề năm 2021 là “Năm xây dựng chính quyền đô thị và cải thiện môi trường đầu tư”. Việc tổ chức chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 131/2020/QH14 của Quốc hội được thực hiện từ ngày 01/7/2021. Đồng hành với TP. Hồ Chí Minh, từ hôm nay, Báo Sài Gòn Giải Phóng mở diễn đàn “Xây dựng chính quyền đô thị tại TP. Hồ Chí Minh”. Báo Sài Gòn Giải Phóng trân trọng mời gọi và mong nhận được các ý kiến, hiến kế, trao đổi, gợi mở, phân tích, đánh giá của bạn đọc về chủ đề này. Các bài viết, ý kiến sẽ được chọn lọc, đăng tải vào thứ năm tuần đầu tiên và tuần thứ 3 hàng tháng trên Báo Sài Gòn Giải Phóng.

Mở đầu diễn đàn, phóng viên Báo Sài Gòn Giải Phóng có cuộc trao đổi cùng PGS. TS. Trần Hoàng Ngân, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển TP. Hồ Chí Minh. PGS. TS. Trần Hoàng Ngân phân tích: Ngoài dân số và mật độ dân cư cao nhất cả nước, TP. Hồ Chí Minh cũng có quy mô kinh tế, cường độ hoạt động kinh tế lớn nhất cả nước nên yêu cầu đặt ra là cần có mô hình quản lý nhà nước, mô hình chính quyền đô thị tương thích. Các quyết định quản lý hành chính của chính quyền TP. Hồ Chí Minh phải được triển khai đến chính quyền cơ sở, đến người dân và doanh nghiệp một cách nhanh, chính xác, đồng bộ nhất.

Đáp ứng tốt hơn yêu cầu của người dân

Phóng viên: Thừa PGS. TS, thực hiện chính quyền đô thị sẽ tác động đến mô hình quản lý và sự phát triển của TP. Hồ Chí Minh ra sao, nhất là những lợi ích mang lại cho người dân?

PGS. TS. Trần Hoàng Ngân: Điểm mấu chốt là chính quyền đô thị được tổ chức tinh gọn, năng động, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. TP. Hồ Chí Minh cũng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phù hợp với đặc điểm đô thị hướng tới tăng hiệu quả quản lý nhà nước, giúp cho cơ quan hành chính ở quận, phường chủ động, quyết định nhanh chóng các vấn đề cấp bách ở địa phương.

Từ đó, lợi ích người dân được thụ hưởng chính là từ sự hiệu quả của bộ máy nhà nước. Các chỉ đạo của TP. Hồ Chí Minh được thực hiện xuyên suốt ngay lập tức và đồng thời tại cơ sở, hạn chế việc các cấp trung gian diễn đạt, hướng dẫn lại. Thủ tục hành chính được cải cách ngày càng đơn giản, dễ thực hiện hơn, rút ngắn thời gian hơn. Vì thế, việc của người dân được chính quyền giải quyết một cách nhanh nhất, gọn nhất, hiệu quả nhất.

Có thể nói, xây dựng chính quyền đô thị giúp TP. Hồ Chí Minh huy động và giải phóng mọi nguồn lực, tạo cơ hội cho sự phát triển. Tổ chức mô hình chính quyền đô thị có thể giúp TP. Hồ Chí Minh giải quyết các vấn đề lớn của đô thị đặc biệt, phát huy tốt nhất vai trò, vị trí của TP. Hồ Chí Minh đối với vùng và cả nước.

Phóng viên: Đây là những việc trọng tâm mà TP. Hồ Chí Minh cần lưu ý trong quá trình thực hiện chính quyền đô thị để mô hình này thực sự mang lại hiệu quả?

PGS. TS. Trần Hoàng Ngân: TP. Hồ Chí Minh đang đứng trước cơ hội lớn để phát triển khi được Trung ương tạo điều kiện, trao mô hình chính quyền đô thị - động lực rất lớn cho TP. Hồ Chí Minh. Trong chính quyền đô thị, việc không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, phường là một nội dung nổi bật. Cùng với đó, chính quyền đô thị tại TP. Hồ Chí Minh còn có 2 nội dung cơ bản khác là cơ chế, chính sách đặc thù (Nghị quyết số 54/2017/QH14) và thành lập “thành phố trong thành phố” - TP. Thủ Đức.

Các nội dung này đều đã được Trung ương thông qua và TP. Hồ Chí Minh đang đồng thời thực hiện. Ba nội dung này liên quan chặt chẽ, tương tác với nhau, cho thấy chính quyền đô thị ở TP. Hồ Chí Minh trải qua nhiều bước và TP. Hồ Chí Minh đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng cho chính quyền đô thị.

Điểm quan trọng là đội ngũ quản lý, cán bộ, công chức, viên chức cần duy trì bản lĩnh dám nói, dám làm và dám chịu trách nhiệm; luôn thấm nhuần việc phục vụ dân. Tôi luôn tin tưởng rằng, một khi đội ngũ cán bộ, công chức luôn phục vụ người dân một cách hiệu quả nhất với thủ tục đơn giản nhất, thì người dân, doanh nghiệp luôn sẵn sàng chung vai sát cánh cùng TP. Hồ Chí Minh phát triển.

Bối cảnh hiện nay, TP. Hồ Chí Minh cũng cần vượt qua chính mình để có thể tiệm cận, so sánh với các đô thị lớn trong khu vực và trên thế giới. Khi Đề án Điều chỉnh tăng tỷ lệ điều tiết ngân sách cho TP. Hồ Chí Minh được thông qua, TP. Hồ Chí Minh càng thêm đủ tinh thần và vật chất, nguồn lực và vật lực để thực hiện chính quyền đô thị hiệu quả, qua đó phát triển TP. Hồ Chí Minh và đóng góp nhiều hơn cho cả nước.

Huy động các nguồn lực

Phóng viên: Một vấn đề nhiều người quan tâm là... kinh phí ở đâu để xây dựng chính quyền đô thị? Tài chính là bài toán không đơn giản khi chỉ riêng nhu cầu vốn cho phát triển Khu đô thị sáng tạo tương tác cao phía Đông TP. Hồ Chí Minh - có ranh giới là TP. Thủ Đức - đã cần tới 41.600 tỷ đồng từ nay đến năm 2025.

PGS. TS. Trần Hoàng Ngân: Quan trọng nhất là có cơ chế, chính sách phù hợp, đột phá để có thể huy động các nguồn lực phục vụ cho sự phát triển. Rất mừng là mới đây, trong buổi làm việc với TP. Hồ Chí Minh, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã giao Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh khẩn trương xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 93/2001/NĐ-CP về phân cấp một số lĩnh vực cho TP. Hồ Chí Minh theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Đối với TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh cũng đang xác định cụ thể các cơ chế, chính sách đặc thù theo hướng phân cấp, ủy quyền tối đa cho TP. Thủ Đức. Có cơ chế, chính sách đột phá, đồng nghĩa các nguồn lực sẽ được tháo mở, tạo điều kiện cho TP. Hồ Chí Minh nói chung, TP. Thủ Đức nói riêng tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt trong phát triển.

Đặc biệt, sau một năm nghiên cứu và xây dựng, Đề án Điều chỉnh tăng tỷ lệ điều tiết ngân sách cho TP. Hồ Chí Minh từ 18% lên 23% giai đoạn 2022 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ ủng hộ. Nếu được giữ lại 23% ngân sách trong năm đầu tiên, TP. Hồ Chí Minh có thêm khoảng 12.000 tỷ đồng, dồi sức cho phát triển hạ tầng, nhất là các dự án trọng điểm.

Song song đó, TP. Hồ Chí Minh tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; quy hoạch, chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp để tăng hiệu quả của đất đai... Từ ngày 01/7/2021, TP. Hồ Chí Minh thực hiện thu phí hạ tầng cảng biển, dự kiến mang lại nguồn thu hơn 3.000 tỷ đồng/năm. Điểm quan trọng là cùng với thực hiện chính quyền đô thị, TP. Hồ Chí Minh cũng tập trung cải thiện môi trường đầu tư nhằm thu hút nguồn lực từ xã hội cho sự phát triển của TP. Hồ Chí Minh. Đây cũng là vấn đề thứ 2 của chủ đề năm 2021 tại TP. Hồ Chí Minh.

Phóng viên: Đối với TP. Thủ Đức, để tránh một phép cộng cơ học nhập 3 quận làm một, TP. Hồ Chí Minh cần tạo đòn bẩy cho TP. Thủ Đức phát triển như thế nào, đổi mới ra sao?

PGS. TS. Trần Hoàng Ngân: Phát triển TP. Thủ Đức không phải là câu chuyện một ngày một bữa có thể làm được mà cần thời gian, quá trình để từng bước hiện thực hóa TP. Thủ Đức - Khu đô thị sáng tạo tương tác cao phía Đông TP. Hồ Chí Minh. Điều TP. Hồ Chí Minh đang làm là điều chỉnh quy hoạch đối với TP. Thủ Đức, tập trung phát triển kinh tế tri thức, xây dựng các khu vực trung tâm đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ...

Cùng với đó, TP. Hồ Chí Minh phối hợp với Bộ Nội vụ đang nghiên cứu, tiến hành phân cấp, ủy quyền cho TP. Thủ Đức. Tinh thần của TP. Hồ Chí Minh là phân cấp, ủy quyền tối đa, không giới hạn đối với TP. Thủ Đức.

Hiện nay, TP. Thủ Đức cũng đang xử lý các vấn đề còn tồn đọng sau khi sáp nhập; rà soát thực tế khai thác, sử dụng các địa chỉ nhà đất do Nhà nước quản lý, từ đó có kiến nghị tổ chức đấu giá, thêm nguồn lực cho đầu tư hạ tầng. Tất cả đều đang hành động để TP. Thủ Đức phát triển như kỳ vọng.

Phóng viên: Không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp quận, phường, liệu có dẫn tới sự lạm quyền của cơ quan hành chính?

PGS. TS. Trần Hoàng Ngân: TP. Hồ Chí Minh đã có kinh nghiệm thực tiễn 7 năm (2009 - 2016), không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, phường. Tới đây, khi TP. Hồ Chí Minh tái không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, phường, hệ thống Mặt trận Tổ quốc sẽ tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò giám sát. Hội đồng nhân dân TP. Hồ Chí Minh cũng được bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn, tăng nhân sự chuyên trách và trực tiếp giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân quận, phường.

Điểm quan trọng là Ủy ban nhân dân quận, phường làm việc theo chế độ thủ trưởng; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ. Hàng năm, trước kỳ họp thường kỳ của Hội đồng nhân dân TP. Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường đều phải có trách nhiệm tổ chức đối thoại với người dân ở quận về tình hình hoạt động của quận và những vấn đề liên quan đến người dân. Như vậy, khâu giám sát được đảm bảo và đảm bảo quyền làm chủ, quyền giám sát của người dân, khó có thể xảy ra tình trạng lạm quyền.

Nguồn: sggp.org.vn

CHÍNH PHỦ: ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG

Ngày 10/06/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2021/NĐ-CP quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

Nghị định nêu rõ: Công ty thông tin tín dụng chỉ thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng sau khi được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy chứng nhận.

Điều kiện để được cấp giấy chứng nhận là:

1. Có hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin đáp ứng yêu cầu tối thiểu sau: Có tối thiểu 2 đường truyền số liệu, mỗi đường truyền của 1 nhà cung cấp dịch vụ; có cơ sở hạ tầng thông tin có khả năng tích hợp, kết nối được với hệ thống thông tin của tổ chức tham gia; có hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam, hệ thống phần mềm tin học và các giải pháp kỹ thuật có khả năng thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng đối với tối thiểu 5.000.000 khách hàng vay; có phương án bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin; có phương án dự phòng thảm họa, đảm bảo không bị gián đoạn các hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng quá 4 giờ làm việc.

2. Có vốn điều lệ tối thiểu 30 tỷ đồng.

3. Có người quản lý doanh nghiệp, thành viên ban kiểm soát đáp ứng yêu cầu sau:

Người quản lý doanh nghiệp, thành viên ban kiểm soát không phải là người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên, người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích; người quản lý doanh nghiệp, thành viên ban kiểm soát của công ty thông tin tín dụng bị thu hồi giấy chứng nhận (trừ trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận theo quy định tại Điểm d, Điểm đ, Điểm e Khoản 1 Điều 14 Nghị định này);

Chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, chủ tịch công ty có bằng đại học hoặc trên đại học và có ít nhất 3 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin;

Thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên, thành viên hợp danh có bằng đại học hoặc trên đại học, trong đó ít nhất 50% số thành viên có ít nhất 3 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin;

Tổng giám đốc (giám đốc), phó tổng giám đốc (phó giám đốc) có bằng đại học, hoặc trên đại học và có ít nhất 2 năm giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin;

Thành viên ban kiểm soát có bằng đại học hoặc trên đại học và có ít nhất 2 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin.

4. Có phương án kinh doanh đảm bảo không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

5. Có tối thiểu 15 tổ chức tham gia là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính

vi mô). Các tổ chức tham gia không có cam kết cung cấp thông tin tín dụng với công ty thông tin tín dụng khác.

6. Có văn bản thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tín dụng giữa công ty thông tin tín dụng với tổ chức tham gia, trong đó có tối thiểu các nội dung sau: Nội dung, phạm vi thông tin tín dụng được cung cấp; nguyên tắc, phạm vi, mục đích sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng; nghĩa vụ thông báo, thỏa thuận với khách hàng vay về việc sử dụng thông tin tín dụng của khách hàng vay; trách nhiệm của các bên trong việc điều chỉnh, sửa chữa sai sót trong quá trình cập nhật, truyền đưa, xử lý, lưu giữ, khai thác và sử dụng thông tin tín dụng; trách nhiệm của các bên trong việc rà soát, đối chiếu, kiểm tra chất lượng và lưu giữ thông tin tín dụng; trách nhiệm và sự phối hợp của các bên khi giải quyết điều chỉnh sai sót về thông tin tín dụng của khách hàng vay; xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp...

Các trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận

Nghị định nêu rõ, công ty thông tin tín dụng bị Ngân hàng Nhà nước thu hồi giấy chứng nhận trong các trường hợp sau:

a. Gian lận, giả mạo các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận trong hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;

b. Vi phạm nghiêm trọng một trong những hành vi bị cấm quy định tại Điều 6 Nghị định này;

c. Không đảm bảo duy trì các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định này sau khi thực hiện phương án khắc phục theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này;

d. Không khai trương hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận;

đ. Công ty thông tin tín dụng thực hiện giải thể theo quy định của pháp luật;

e. Công ty thông tin tín dụng bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định tại Khoản 4 Điều 15 Nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/08/2021.

Anh Cao - Công thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ NỘI VỤ: QUY ĐỊNH MÃ SỐ, TIÊU CHUẨN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ VÀ XẾP LƯƠNG ĐỐI VỚI CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC

Ngày 11/6/2021, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 02/2021/TT-BNV quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.

Theo đó, các ngạch công chức chuyên ngành hành chính: a) Chuyên viên cao cấp Mã số: 01.001 b) Chuyên viên chính Mã số: 01.002 c) Chuyên viên Mã số: 01.003 d) Cán sự Mã số: 01.004 đ) Nhân viên Mã số: 01.005.

Các ngạch công chức chuyên ngành văn thư: a) Văn thư viên chính Mã số: 02.006 b) Văn thư viên Mã số: 02.007 c) Văn thư viên trung cấp Mã số: 02.008.

Công chức dự thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên chính phải có thời gian giữ ngạch chuyên viên từ đủ 09 năm trở lên

Ngoài các tiêu chuẩn chung về phẩm chất: a) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm vững và am hiểu sâu đường lối, chủ trương của Đảng; trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân; b) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công chức theo quy định của pháp luật; nghiêm túc chấp hành sự phân công nhiệm vụ của cấp trên; tuân thủ pháp luật, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, trật tự hành chính; gương mẫu thực hiện nội quy, quy chế của cơ quan; c) Tận tụy, trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, khách quan, công tâm và gương mẫu trong thực thi công vụ; lịch sự, văn hóa và chuẩn mực trong giao tiếp, phục vụ nhân dân; d) Có lối sống và sinh hoạt lành mạnh, khiêm tốn, đoàn kết; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; không lợi dụng việc công để mưu cầu lợi ích cá nhân; không quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đ) Thường xuyên có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

Các ngạch công chức chuyên ngành hành chính còn phải đáp ứng về điều kiện về chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng).

Về yêu cầu đối với công chức dự thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên cao cấp: a) Có thời gian giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương từ đủ 06 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch chuyên viên chính thì thời gian giữ ngạch chuyên viên chính tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch; b) Trong thời gian giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương đã chủ trì xây dựng, thẩm định ít nhất 02 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, cấp ban, cấp ngành hoặc cấp tỉnh mà cơ quan sử dụng công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu. Cụ thể: Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo, Tổ soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật hoặc có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng của người có thẩm quyền đối với trường hợp không bắt buộc phải thành lập Ban soạn thảo, Tổ soạn thảo theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, cấp ban, cấp ngành, cấp tỉnh hoặc có văn bản giao nhiệm vụ của người có thẩm quyền về việc chủ trì xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, chỉnh lý văn bản quy phạm pháp luật.

Về yêu cầu đối với công chức dự thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên chính: a) Có thời gian giữ ngạch chuyên viên và tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch chuyên viên thì thời gian giữ ngạch chuyên viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch; b) Trong thời gian giữ ngạch chuyên viên và tương đương đã tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan sử dụng công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

Về yêu cầu đối với công chức dự thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên: Có thời gian giữ ngạch cán sự và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch cán sự thì thời gian giữ ngạch cán sự tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

Về yêu cầu đối với công chức dự thi nâng ngạch lên ngạch cán sự: Có thời gian giữ ngạch nhân viên và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch nhân viên thì thời gian giữ ngạch nhân viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

Còn về yêu cầu đối với công chức dự thi nâng ngạch lên ngạch văn thư viên chính: Có thời gian giữ ngạch văn thư viên và tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch văn thư viên thì thời gian giữ ngạch văn thư viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

Công chức dự thi nâng ngạch lên ngạch văn thư viên: Có thời gian giữ ngạch văn thư viên trung cấp và tương đương, trong đó nếu có thời gian tương đương với ngạch văn thư viên trung cấp thì thời gian giữ ngạch văn thư viên trung cấp tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch. Cụ thể như sau: a) Trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ đào tạo cao đẳng phải có thời gian giữ ngạch văn thư viên trung cấp và tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự); b) Trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ đào tạo trung cấp phải có thời gian giữ ngạch văn thư viên trung cấp và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự)...

Nguyên tắc xếp lương

Các ngạch công chức chuyên ngành hành chính, công chức chuyên ngành văn thư, việc bổ nhiệm và xếp lương vào các ngạch công chức chuyên ngành hành chính, công chức chuyên ngành văn thư quy định tại Thông tư này phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách, nhiệm vụ và nghiệp vụ chuyên môn đảm nhận của công chức. Khi bổ nhiệm vào các ngạch công chức chuyên ngành hành chính, công chức chuyên ngành văn thư tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc nâng ngạch công chức.

Công chức đã được bổ nhiệm vào ngạch công chức chuyên ngành hành chính, ngạch công chức chuyên ngành văn thư theo quy định của pháp luật từ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được xác định là đáp ứng quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ, chuyên môn của

ngạch công chức chuyên ngành hành chính, ngạch công chức chuyên ngành văn thư quy định tại Thông tư này tương ứng với ngạch công chức đã được bổ nhiệm.

Công chức chuyên ngành văn thư chưa thực hiện việc chuyển xếp lương theo quy định tại Thông tư số 10/2019/TT-BNV ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành văn thư thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2021.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHIỀU ĐIỂM MỚI TRONG LĨNH VỰC HỖ TRỢ PHÁP LÝ

Bộ Tư pháp vừa ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.

Theo đó, về lựa chọn, ký hợp đồng với luật sư, cộng tác viên trợ giúp pháp lý, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật, Thông tư đã rút ngắn thời gian đánh giá hồ sơ của tổ chức, cá nhân ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý từ 15 ngày xuống còn 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ.

Ngoài ra, Thông tư bổ sung thời hạn kéo dài thời gian ký hợp đồng với cộng tác viên trợ giúp pháp lý trong trường hợp có lý do chính đáng không quá 35 ngày kể từ ngày được cấp thẻ. Đồng thời, bổ sung thời hạn luật sư, tổ chức ký hợp đồng với Trung tâm, Sở Tư pháp là không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trong trường hợp có lý do chính đáng.

Để đa dạng hóa các hình thức nộp hồ sơ của luật sư đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và giảm thiểu thủ tục hành chính trong công tác trợ giúp pháp lý, Thông tư bổ sung thêm quy định: “Trường hợp hồ sơ được gửi qua thư điện tử thì thời điểm nộp hồ sơ là thời điểm hồ sơ đã gửi đến thư điện tử của Trung tâm. Nếu thời điểm hồ sơ gửi đến thư điện tử của Trung tâm ngoài giờ hành chính thì thời điểm nộp được tính là thời điểm bắt đầu từ ngày, giờ hành chính kế tiếp”.

Thông tư cũng quy định nội dung này khi tổ chức nộp hồ sơ để lựa chọn, ký hợp đồng với Sở Tư pháp, cụ thể: “Trường hợp hồ sơ được gửi qua thư điện tử thì thời điểm nộp hồ sơ là thời điểm hồ sơ đã gửi đến thư điện tử của Sở Tư pháp. Nếu thời điểm nộp hồ sơ qua thư điện tử ngoài giờ hành chính thì thời điểm nộp được tính là thời điểm bắt đầu từ ngày, giờ hành chính kế tiếp”.

Một trong những điểm mới đáng chú ý của Thông tư là bỏ quy định về phụ lục hợp đồng để tạo điều kiện thuận lợi cho luật sư, tổ chức trong quá trình ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, tránh hình thức như hiện nay.

Thay đổi người hướng dẫn tập sự và sửa đổi thời gian kiểm tra viết

Đây là một điều mới được quy định trong Thông tư nhằm tạo cơ chế để người tập sự có quyền yêu cầu thay đổi người hướng dẫn tập sự trong các trường hợp: người hướng dẫn tập sự chết, ốm đau, tai nạn, thôi việc, chuyển công tác... Thông tư bổ sung quy định về thay đổi người hướng dẫn tập sự cho phù hợp với thực tế, đồng thời cũng tương đồng với các ngành nghề cung cấp dịch vụ pháp lý khác như công chứng, luật sư...

Đồng thời, sửa đổi thời gian kiểm tra viết từ 120 phút lên 180 phút trong việc kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý cho tương đồng với thời gian của bài kiểm tra viết về các kỹ năng hành nghề của luật sư trong kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư.

Về thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về trợ giúp pháp lý ở Trung ương, đây là một điều mới được quy định trong Thông tư nhằm quy định rõ “cơ quan có thẩm quyền về trợ giúp pháp lý ở Trung ương”. Cụ thể, Trung tâm thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý theo yêu cầu của Cục Trợ giúp pháp lý đối với các vụ việc không phụ thuộc vào nơi cư trú của người được trợ giúp pháp lý hoặc nơi xảy ra vụ việc trợ giúp pháp lý. Việc thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý trong trường hợp này thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Trợ giúp pháp lý.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/7/2021.

Nguồn: baochinhpvu.vn

QUY ĐỊNH MỚI VỀ XUẤT XỨ HÀNG HÓA TRONG HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA VIỆT NAM VÀ LIÊN HIỆP VƯƠNG QUỐC ANH VÀ BẮC IRELAND

Đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, nếu lô hàng có trị giá dưới 6.000 euro, bất kỳ nhà xuất khẩu nào cũng được phép tự chứng nhận xuất xứ (C/O). Với lô hàng có trị giá trên 6.000 euro, áp dụng cơ chế C/O do cơ quan, tổ chức được Bộ Công Thương ủy quyền cấp.

Bộ Công Thương vừa ban hành Thông tư số 02/2021/TT-BCT quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (UKVFTA).

Thông tư nêu rõ, để hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải được nộp cho cơ quan hải quan Việt Nam trong thời gian 2 năm kể từ thời điểm nhập

khẩu. Cơ quan hải quan có thể yêu cầu bản dịch nếu chứng từ chứng nhận xuất xứ không phải bằng tiếng Anh.

Theo Thông tư, cơ chế chứng nhận xuất xứ trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland được triển khai như sau: Đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam: (1) Với lô hàng có trị giá dưới 6.000 euro, bất kỳ nhà xuất khẩu nào cũng được phép tự chứng nhận xuất xứ; (2) Với lô hàng có trị giá trên 6.000 euro, áp dụng cơ chế C/O do cơ quan, tổ chức được Bộ Công Thương ủy quyền cấp.

Đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam: (1) Với lô hàng có trị giá dưới 6.000 euro, bất kỳ nhà xuất khẩu nào cũng được phép tự chứng nhận xuất xứ; (2) Với lô hàng có trị giá trên 6.000 euro, chỉ có nhà xuất khẩu đủ điều kiện theo quy định của Liên hiệp Vương quốc Anh mới được tự chứng nhận xuất xứ.

Quy định về tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa từ Việt Nam

Nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định khi hàng hóa có xuất xứ Việt Nam và đáp ứng quy định khác của Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland. Nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trên hóa đơn, phiếu giao hàng hoặc chứng từ thương mại khác có đủ thông tin về hàng hóa, bằng cách đánh máy, đóng dấu hoặc in nội dung lời văn khai báo xuất xứ hàng hóa trên chứng từ.

Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ có thể phát hành sau khi xuất khẩu hàng hóa với điều kiện được xuất trình tại nước thành viên nhập khẩu không muộn hơn 2 năm hoặc theo quy định của Nước thành viên nhập khẩu kể từ khi hàng hóa được đưa vào lãnh thổ Nước thành viên nhập khẩu.

Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ, nhà xuất khẩu khai báo, đăng tải chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chứng từ liên quan đến lô hàng xuất khẩu theo quy định từ điểm c đến điểm h Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP trên Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn của Bộ Công Thương.

Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày phát hành tại nước thành viên xuất khẩu và phải nộp cho cơ quan hải quan Nước thành viên nhập khẩu trong thời hạn hiệu lực.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/7/2021.

Nguồn: baochinhpvu.vn

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Công bố quyết định của Bộ Chính trị về công tác cán bộ:

Sáng ngày 17/6, tại Trụ sở Bộ Quốc phòng đã diễn ra Hội nghị Quân ủy Trung ương lần thứ nhất khóa XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Bí thư Quân ủy Trung ương chủ trì hội nghị.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Bí thư Quân ủy Trung ương, chủ trì phiên họp. Dự phiên họp có các đồng chí: Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước, Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương; Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị; Thủ tướng Chính phủ, Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương; Võ Văn Thưởng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư; Thượng tướng Phan Văn Giang, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Đại tướng Ngô Xuân Lịch, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Phó Bí thư Quân ủy Trung ương, nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Đại tướng Lương Cường, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.

Cùng dự phiên họp có các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng và các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương, nguyên Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương, Ủy viên Quân ủy Trung ương, nguyên Ủy viên Quân ủy Trung ương; lãnh đạo Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Tổng Bí thư; lãnh đạo Bộ Công an; đại biểu thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Ủy ban Kiểm tra Quân ủy Trung ương.

Tại phiên họp, đồng chí Võ Văn Thưởng, Thường trực Ban Bí thư đã công bố Quyết định của Bộ Chính trị, khóa XIII chỉ định các đồng chí tham gia Quân ủy Trung ương, nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 25 đồng chí;

Thường vụ Quân ủy Trung ương gồm 6 đồng chí: Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Bí thư Quân ủy Trung ương; Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước; Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị; Thủ tướng Chính phủ; Thượng tướng Phan Văn Giang, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Đại tướng Lương Cường, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị; Thượng tướng Nguyễn Tân Cương, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Tham mưu trưởng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.

* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành là Trưởng ban Ban Chỉ đạo quốc gia về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (Ban Chỉ đạo quốc gia về IUU) thay ông Trịnh Đình Dũng, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ.

Ông Nguyễn Kim Sơn, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tham gia Phó Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về trẻ em thay ông Phùng Xuân Nhạ.

Ông Tạ Anh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Tài chính là thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ thay ông Đỗ Hoàng Anh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Tài chính theo phân công công tác.

*** Tỉnh Quảng Ninh:**

Ông Nguyễn Xuân Ký, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Bà Trịnh Thị Minh Thanh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Lê Văn Ánh, Bí thư Thành ủy Móng Cái được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ mới.

Ông Nguyễn Tường Văn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Cao Tường Huy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XIII; Bùi Văn Khăng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XIII; Nguyễn Thị Hạnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XIII; Phạm Văn Thành, Bí thư Thị ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

*** Tỉnh Lào Cai:**

Ông Vũ Xuân Cường, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lào Cai được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Trịnh Xuân Trường, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XV nhiệm kỳ 2016 - 2021 tái đắc cử chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVI nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Giàng Thị Dung, Nguyễn Trọng Hải và Hoàng Quốc Khánh tái đắc cử chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVI nhiệm kỳ 2021 - 2026.

*** Tỉnh Lai Châu:**

Bà Giàng Páo Mỹ, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Chu Lê Chinh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Sỹ Cảnh, Bí thư Huyện ủy Tân Uyên được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Trần Tiến Dũng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XIV nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XV nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, khóa XIV gồm: ông Tống Thanh Hải, Giàng A Tính và Hà Trọng Hải được bầu tái cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XV nhiệm kỳ 2021 - 2026.

*** Tỉnh Quảng Trị:**

Ông Nguyễn Đăng Quang, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Lê Quang Chiến, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII được bầu tiếp tục giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Trần Huy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII được bầu tiếp tục giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Võ Văn Hưng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tiếp tục được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông: Lê Đức Tiến, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021; Hà Sỹ Đồng, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021; Hoàng Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tiếp tục giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021 - 2026.

*** Tỉnh Bình Định:**

Ông Hồ Quốc Dũng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định khóa XII (nhiệm kỳ 2016 - 2021) được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định khóa XIII (nhiệm kỳ 2021 - 2026).

Ông Đoàn Văn Phi được bầu giữ chức vụ Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định khóa XIII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Bà Huỳnh Thúy Vân được bầu giữ chức vụ Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định khóa XIII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Phi Long, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 - 2026.

*** Tỉnh Phú Yên:**

Bà Cao Thị Hòa An, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Lê Thanh Đồng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII, nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Tấn Chân, Bí thư Huyện ủy Tây Hòa được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Trần Hữu Thế, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu tái đắc cử giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các ông/bà: Lê Tấn Hồ, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh; Hồ Thị Nguyên Thảo, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Đào Mỹ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Nguồn: baohinhphu.vn